





	<b>Bài toán chuyển động (s → v → a)</b> - Chuyển động ngang theo phương trình - Chuyển động dọc theo phương trình - Ném thẳng - Hai vật gặp nhau						TLN3			
	<b>Bài toán tối ưu hóa hình học</b> - Tối ưu chu vi, diện tích, thể tích - Tối ưu chi phí xây dựng - Thời gian ngắn nhất - Tối ưu hóa hình học từ ràng buộc không gian - Dựng mô hình tối ưu từ hình vẽ thực tế					TLN1				TLN4
	<b>Véc tơ và hệ tọa độ trong không gian</b> Các bài toán tổng hợp lực, tính công.....			TLN5						
	<b>Thống kê – xử lý dữ liệu</b> - Tính trung bình, phương sai, độ lệch chuẩn - Biểu đồ tần số – bảng phân bố - Tứ phân vị, trung vị, kiểu giá trị						TLN6			
<b>Tổng</b>		16	08	02	02	01	02			02
<b>Tỷ lệ</b>		30%	25%	10%	5%	5%	10%			10%



<p><b>Cực trị hàm số</b></p>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết các khái niệm điểm cực đại, điểm cực tiểu, điểm cực trị của hàm số.</li> <li>- Xác định được điểm cực trị của hàm số, giá trị cực trị của hàm số, điểm cực trị của đồ thị hàm số dựa vào: Bảng biến thiên, đồ thị, đạo hàm của hàm số đã cho.</li> <li>- Xác định được số điểm cực trị của đồ thị hàm số.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được điểm cực trị và cực trị hay cực trị của đồ thị hàm số tương ứng với một hàm số cụ thể</li> <li>- Xác định được điểm cực trị và cực trị của hàm số trong một số tình huống cụ thể, đơn giản.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính thực tiễn của cực trị hàm số</li> <li>- Mở rộng từ 2 mức trên, và các dạng toán nâng cao...</li> </ul>	<p>TN2</p>							
<p><b>GTLN - GTNN hàm số</b></p>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết thế nào là GTLN và GTNN của một hàm số trên một tập</li> <li>- Nhận dạng được GTLN và GTNN của một hàm số trên một tập dựa vào đồ thị hay BBT.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách tìm GTLN và GTNN của một hàm số trên một đoạn bằng cách tính đạo hàm và tìm tất cả các điểm tới hạn của hs</li> </ul>	<p>TN3</p>							

	<p>trên đoạn đó, sau đó tính giá trị tại các điểm tới hạn thuộc đoạn đang xét và giá trị hai đầu mút rồi so sánh mà kết luận.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải quyết được các bài toán liên quan đến thực tế trong vật lý, kỹ thuật, kinh tế, y học, sinh học...</li> <li>- Mở rộng từ 2 mức trên, toán nâng cao ....</li> </ul>									
<p><b>Tiệm cận hàm số</b></p>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho hàm số xác định trên D. Cho giới hạn chỉ ra tiệm cận theo định nghĩa.</li> <li>- Tìm tiệm cận đứng, ngang của đồ thị hàm hữu tỉ...</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho hàm số <math>y = f(x)</math> có bảng biến thiên cho trước hay đồ thị cho trước. Tìm hay tính (tổng hay hiệu) các đường tiệm cận của đồ thị hàm số...</li> <li>- Xác định được số (phương trình) đường TCX của đồ thị hàm phân thức hay có chứa căn....</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định các hệ số của hàm số nhất biến, (2)/(1) khi biết trước bảng biến thiên hay đồ thị của hàm số đó...</li> <li>- Xác định số đường tiệm cận của đồ thị hàm số ẩn khi biết trước bảng biến thiên, đồ thị của hàm số đó...</li> <li>- Giải quyết được các bài toán thực tiễn...</li> </ul>		<p>TN4</p>							

	<p><b>Khảo sát và vẽ đồ thị hàm số</b></p>	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho BBT (Hàm bậc ba, nhất biến, (2)/(1)) từ đó biết nhận dạng hàm số.</li> <li>- Cho đồ thị (Hàm bậc ba, nhất biến, (2)/(1)) từ đó biết nhận dạng hàm số.</li> <li>- Số nghiệm phương trình dạng đơn giản.</li> <li>- Nhận biết được tính đối xứng (tâm đối xứng) của đồ thị hàm nhất biến, (2)/(1).</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết các bước khảo sát và vẽ đồ thị hàm số (tìm tập xác định, chiều biến thiên, cực trị, lập BBT, biết tâm đối xứng, vẽ đồ thị) ...</li> <li>- Tìm giao điểm của 2 đồ thị cho trước phương trình...</li> <li>- Dựa vào đồ thị xác định số nghiệm hay dấu nghiệm của 1 phương trình <math>f(x)=0</math> hay <math>f'(x)=0</math>.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <p>Bài toán thực tế...</p>	<p>TN5</p>			<p>TN6</p>				
<p><b>Các số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu ghép nhóm</b></p>	<p><b>Khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị, phương sai và độ lệch chuẩn của mẫu số</b></p>	<p><b>Nhận biết</b></p> <p>Tìm khoảng biến thiên, xác định khoảng tứ phân vị, ...</p> <p><b>Thông hiểu</b></p> <p>Tính khoảng tứ phân vị, giá trị ngoại lệ, phương sai và độ lệch chuẩn ... của 1 mẫu số liệu ghép nhóm...</p> <p><b>Vận dụng</b></p>	<p>TN7</p>	<p>TN8</p>						

	<b>liệu ghép nhóm</b>	Tính khoảng tứ phân vị, phương sai và độ lệch chuẩn ... của 2 mẫu số liệu ghép nhóm, đánh giá kết quả ...									
<b>Véc-tơ và hệ tọa độ trong không gian</b>	<b>Vector trong không gian</b>	<b>Nhận biết:</b> Công thức, các phép toán vectơ, đẳng thức vectơ, góc giữa hai vectơ.....	TN9								
	<b>Tọa độ của vectơ trong không gian</b>	<b>Nhận biết:</b> Nhận biết được tọa độ của một vectơ, tọa độ của điểm đối với hệ trục tọa độ..... <b>Thông hiểu:</b> Đọc được tọa độ vectơ hay tọa độ của điểm từ một khối hình không gian cho trước... <b>Vận dụng:</b> Vận dụng vào thực tiễn ( <i>Mô hình hóa và giải quyết các bài toán</i> ) những được các vật thể của hình không gian vào hệ trục tọa độ để tính toán hay định vị tọa độ ...	TN10								
	<b>Biểu thức các phép toán tọa độ vectơ</b>	<b>Nhận biết:</b> Nhận biết được các công thức tổng hiệu, tích một số và một vectơ, tích vô hướng của hai vectơ.... <b>Thông hiểu:</b> Xác định được biểu thức tọa độ của các phép toán vectơ gồm cộng, trừ, nhân vectơ với số, và tính độ dài, góc giữa hai vectơ, tọa độ trung điểm, trọng tâm... <b>Vận dụng:</b>	TN11			TN12					

		Vận dụng được tọa độ của vectơ để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn...									
<b>Trắc nghiệm: Đúng - Sai</b>	<b>Câu 1</b>	Cho công thức hàm số, cho bảng biến thiên, cho đồ thị hàm số xét các mệnh đề liên quan tính đơn điệu, cực trị, giá trị lớn nhất – giá trị nhỏ nhất, tiệm cận, tương giao...	Đ-S 1a Đ-S 1b	Đ-S1c Đ-S 1d							
	<b>Câu 2</b>	Cho công thức hàm số $f(x)$ , cho đồ thị của $f(x)$ , xét các mệnh đề liên quan tính đơn điệu, cực trị, giá trị lớn nhất – giá trị nhỏ nhất ...	Đ-S 2a Đ-S 2b	Đ-S 2c,d							
	<b>Câu 3</b>	Tọa độ điểm, vectơ, các phép toán trong không gian, bài toán chuyển tọa độ trong không gian ...	Đ-S 3a Đ-S 3b	Đ-S 3c Đ-S3d							
	<b>Câu 4</b>	Khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị, phương sai và độ lệch chuẩn của mẫu số liệu ghép nhóm ...	Đ-S 4a Đ-S 4b	Đ-S 4c	Đ-S4d						
<b>TRẢ LỜI NGẮN</b>	<b>Bài toán chi phí – doanh thu – lợi nhuận</b> - Cho trước hàm doanh thu, chi phí - Cho giá bán, giá mua, số lượng - Tăng giảm giá bán						<b>TLN1</b>				TLN 2
	<b>Bài toán chuyển động (<math>s \rightarrow v \rightarrow a</math>)</b> - Chuyển động ngang theo phương trình - Chuyển động dọc theo phương trình - Ném thẳng - Hai vật gặp nhau							TLN3			

	<b>Bài toán tối ưu hóa hình học</b> - Tối ưu chu vi, diện tích, thể tích - Tối ưu chi phí xây dựng - Thời gian ngắn nhất - Tối ưu hóa hình học từ ràng buộc không gian - Dựng mô hình tối ưu từ hình vẽ thực tế									TLN 4
	<b>Véc tơ và hệ tọa độ trong không gian</b> Các bài toán tổng hợp lực, tính công.....			TLN5						
	<b>Thống kê – xử lý dữ liệu</b> - Tính trung bình, phương sai, độ lệch chuẩn - Biểu đồ tần số – bảng phân bố - Tứ phân vị, trung vị, kiểu giá trị						TLN6			
<b>Tổng</b>		<b>16</b>	<b>08</b>	<b>02</b>	<b>02</b>	<b>01</b>	<b>02</b>			<b>02</b>
<b>Tỉ Lệ</b>		<b>30%</b>	<b>25%</b>	<b>10%</b>	<b>5%</b>	<b>5%</b>	<b>10%</b>			<b>10%</b>

**MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - Năm học: 2025 – 2026**

**MÔN NGỮ VĂN 12 - Thời gian: 90 phút**

**I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ:**

- Kiến thức:** Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức kỹ năng về nội dung kiến thức đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 12 (CT Ngữ văn 2018): Kiến thức tiếng Việt, Làm văn, Văn học.
- Kĩ năng:** Đọc hiểu văn bản truyện và viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội để làm bài kiểm tra trong thời gian 90 phút.
- Thái độ:** Đánh giá thái độ học tập và nhận thức của học sinh.
- Đánh giá các năng lực hình thành qua kiến thức và kĩ năng:** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tạo lập văn bản, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

**II. XÁC ĐỊNH CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG:**

- Kiến thức phần Đọc:** Đọc văn bản truyện
- Kiến thức phần Viết:** Nghị luận xã hội: HS tạo lập được bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ.

**III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:**

- Hình thức:** Tự luận; Khuyến khích GV đa dạng hoá hình thức đề (chẳng hạn, có thể kẻ bảng, vẽ một sơ đồ tư duy, cho hình ảnh hay một vài thông tin minh hoạ để làm rõ ý tưởng của đề, định hướng HS trả lời câu hỏi,...).
- Cách thức tổ chức kiểm tra:** Học sinh làm bài kiểm tra tập trung trong 90 phút.

**IV. THIẾT LẬP KHUNG MA TRẬN:**

STT	Kĩ năng	Nội dung Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc	Văn bản truyện (hiện đại)	0	2	0	2	0	1	0	0	60
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ	0	1	0	1	0	2	0	1	40
<b>Tổng</b>			<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>10</b>	<b>100</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>30%</b>		<b>30%</b>		<b>30%</b>		<b>10%</b>		
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>60%</b>				<b>40%</b>				

## V. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi/ số điểm theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng Cao
I. ĐỌC	VĂN BẢN TRUYỆN NGẮN (Văn bản ngoài chương trình)	<u>Nhận biết:</u> - Nhận biết các chi tiết tiêu biểu, câu chuyện, sự kiện, nhân vật trong văn bản. - Xác định ngôi kể, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật dựa trên các dấu hiệu văn bản.	2			
		<u>Thông hiểu</u> - Hiểu và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề văn bản. - Nhận xét đánh giá đặc điểm, vai trò của nhân vật trong truyện - Phân tích đặc điểm ngôn ngữ thân mật/ hiệu quả của một biện pháp tu từ.		2		
		<u>Vận dụng</u> Tạo lập đoạn văn bản phân tích, đánh giá được vai trò của chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản/ tình huống truyện trong việc thể hiện chủ đề tư tưởng của truyện			1	
Tổng	6,0		Số điểm: 2,0	Số điểm: 2,5	Số điểm: 1,5	Số điểm: 0,0
II. VIẾT	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ	<u>Nhận biết:</u> - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Giới thiệu được vấn đề nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.				
		<u>Thông hiểu:</u> - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận. - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.				

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi/ số điểm theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng Cao
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.</li> <li>- Phản biện được các ý kiến trái chiều.</li> <li>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt</li> </ul>				
		<p><u>Vận dụng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khẳng định lại được quan điểm của người viết về vấn đề nghị luận.</li> <li>- Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận/ Đưa ra những đề xuất giải pháp phù hợp.</li> </ul>				
		<p><u>Vận dụng cao:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, logic.</li> <li>- Viết sáng tạo, có phong cách riêng.</li> <li>- Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 12 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.</li> </ul>				
Tổng	4,0		Số điểm 0,5	Số điểm 1,0	Số điểm 2,0	Số điểm 0,5
I + II	10,0		2,5	3,5	3,5	0,5

**MA TRẬN ĐẶC TẢ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN TIẾNG ANH KHỐI 12 NĂM HỌC 2025-2026**

STT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC						Tổng số câu	
		NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		TN	TL
		TN	TL	TN	TL	TN	TL		
1	- <b>Đọc</b> – Hoàn thành quảng cáo, tờ rơi ...	7		5				12	
2	- <b>Đọc</b> – Hoàn thành văn bản	2				3		5	
3	- <b>Viết</b> – sắp xếp câu thành văn bản hoàn chỉnh					3		3	
4	- <b>Nói</b> – sắp xếp lượt nói thành cuộc đàm thoại có nghĩa	1				1		2	
5	- <b>Đọc</b> hiểu – Trả lời câu hỏi	6		7		5		18	
<b>TỔNG</b>		16	0	12	0	12	0	40	0
<b>TỈ LỆ</b>		40 %		30 %		30 %		100 %	0 %

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kĩ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Nói	Tổ chức hội thoại	<p><b>Biết</b></p> <p>- Sắp xếp các lượt lời đơn giản để tạo thành một đoạn hội thoại ngắn, mạch lạc về chủ đề quen thuộc</p> <p>+ <i>Unit 3 – Narrating/ Reacting to the news</i></p> <p><b>Vận dụng</b></p> <p>- Áp dụng kiến thức về cấu trúc và các quy tắc tương tác trong hội thoại để phân tích chức năng giao tiếp của các lượt lời cho sẵn. Từ đó, sắp xếp chúng theo một trình tự logic để xây dựng lại một đoạn hội thoại hoàn chỉnh, tự nhiên và mạch lạc.</p> <p>+ <i>Unit 4 – Making suggestions on preserving cultural identity</i></p>	1		1
2	Đọc	Tổ chức văn bản	<p><b>Vận dụng</b></p> <p>- Phân tích mối liên kết về logic và ngôn ngữ giữa các câu để xây dựng chúng thành một đoạn văn/văn bản ngắn hoàn chỉnh, mạch lạc.</p> <p>+ <i>Sharing ideas about the reason why preserving cultural identity is needed (Unit 4)</i></p> <p>+ <i>Describing festivals around the world (Unit 4)</i></p> <p>+ <i>Discussing pros and cons of social/ mass media (Unit 3)</i></p>			3
		Điền khuyết:	<p><b>Biết</b></p>	7	5	

	<p><i>thông báo/ quảng cáo/ tờ rơi ...</i> (2 texts)</p>	<p>- Tái hiện và nhận diện được các kiến thức ngữ pháp cơ bản hoặc các cụm từ/giới từ cố định, quen thuộc để hoàn thành đoạn văn bản. + <i>Trật tự từ: Cụm danh từ</i> + <i>Giới từ</i> + <i>Cụm từ cố định</i> + <i>Lượng từ</i> + <i>Từ loại</i> + <i>Thì/Thể của động từ</i> + <i>Phân từ rút gọn mệnh đề tính ngữ</i> <b>Hiểu</b> - Dựa vào việc diễn giải ngữ cảnh của câu và đoạn văn để phân biệt và lựa chọn được dạng từ, cấu trúc ngữ pháp, hoặc từ vựng phù hợp nhất về mặt ngữ nghĩa. + <i>Từ vựng liên quan đến chủ điểm hoặc được lấy từ các nội dung thuộc Unit 3,4</i></p>		<p>- 3 từ vựng - 1 cụm động từ - 1 cụm giới từ làm liên từ</p>	
	<p><b>Điền khuyết:</b> <i>văn bản liên quan đến các chủ điểm đã học</i> (1 text)</p>	<p><b>Biết</b> - Nhận diện được các mối liên kết đơn giản, trực tiếp về mặt ngữ pháp (ví dụ: cấu trúc mệnh đề quan hệ), cú pháp hoặc từ vựng (ví dụ: từ nối chỉ trình tự) để lựa chọn cụm/câu/mệnh đề phù hợp điền vào chỗ trống. <b>Vận dụng</b> - Phân tích cấu trúc và mạch logic của đoạn văn. Áp dụng kỹ năng suy luận để xác định chức năng của câu còn thiếu (ví dụ: câu chủ đề, câu chuyên ý, câu chi tiết hóa) và mối liên hệ của nó với các câu xung quanh. Từ đó, lựa chọn phương án đảm bảo tính mạch lạc và thống nhất cho văn bản.</p>	<p>2</p>		<p>3</p>
	<p><b>Đọc hiểu:</b> <i>văn bản mang tính thời sự hoặc liên quan đến các chủ điểm đã học</i> (2 texts)</p>	<p><b>Biết</b> - Sử dụng từ khóa (keywords) trong câu hỏi để định vị (locate) và xác định (identify) thông tin chi tiết được nêu rõ ràng, trực tiếp trong bài đọc. (<i>detail in a specific question</i>) - Xác định được danh từ hoặc cụm danh từ mà một đại từ hoặc từ chỉ định cho trước trong bài đọc đang thay thế hoặc đề cập đến. (<i>pronoun reference question</i>) - Đọc một thông tin chi tiết cho trước và xác định được đúng đoạn văn trong bài đọc có chứa thông tin đó. (<i>paragraph reference question</i>) <b>Hiểu</b> - Đọc và diễn giải ngữ cảnh xung quanh một từ/cụm từ cho trước trong bài đọc. Từ đó, suy luận ra ý nghĩa của từ/cụm từ đó và xác định được phương án có nghĩa gần nhất (đồng nghĩa) hoặc trái ngược nhất (trái nghĩa) (<i>vocabulary in context</i>)</p>	<p>6 - 2 chi tiết - 2 đề cập - 2 chi tiết tìm đoạn văn</p>	<p>7 - 1 chi tiết T/F - 2 đồng nghĩa - 2 trái nghĩa - 2 diễn đạt khác</p>	<p>5 - 1 chi tiết T/F - 2 tóm tắt - 1 đặt câu vào văn bản - 1 ngụ ý</p>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn giải và so sánh thông tin từ một hoặc nhiều câu trong bài đọc để xác định tính đúng/sai của một phát biểu, hoặc để trả lời một câu hỏi chi tiết mà thông tin trả lời đã được diễn đạt lại (paraphrased) trong văn bản. (<i>detail in a specific question + True/ False question</i>)</li> <li>- Phân tích và hiểu sâu sắc ý nghĩa của một câu gốc được trích từ bài đọc. Từ đó, xác định được câu trong các phương án lựa chọn có cách diễn đạt khác nhưng truyền tải đúng và đầy đủ nhất ý nghĩa của câu gốc. (<i>paraphrasing question</i>)</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích cấu trúc và mạch logic của một đoạn văn. Từ đó, xác định vị trí phù hợp nhất để chèn một câu cho sẵn vào đoạn văn đó, dựa trên các mối liên kết về ý tưởng, từ vựng (ví dụ: đại từ tham chiếu) và các từ nối để đảm bảo tính mạch lạc và thống nhất. (<i>sentence placement question</i>)</li> <li>- Tổng hợp và liên kết thông tin từ nhiều câu hoặc nhiều đoạn khác nhau trong văn bản để đánh giá tính đúng/sai của một phát biểu. Phát biểu này không được nêu trực tiếp mà là một sự suy luận hoặc tổng hợp từ các chi tiết trong bài. (<i>True/ False question</i>)</li> <li>- Phân biệt được ý chính và các chi tiết phụ trong một đoạn văn hoặc toàn bộ bài đọc. Từ đó, tổng hợp thông tin để xác định được phương án tóm tắt đúng và đầy đủ nhất nội dung chính của phần văn bản được yêu cầu. (<i>summary for a portion of the text/ the entire passage</i>)</li> <li>- Kết hợp các thông tin, chi tiết được nêu trong bài đọc với lập luận logic và kiến thức nền để rút ra một kết luận, một hàm ý hoặc một dự đoán không được tuyên bố trực tiếp trong văn bản (<i>inference question</i>)</li> </ul>			
<b>Tổng câu (40 câu)</b>			<b>16</b>	<b>12</b>	<b>12</b>
<b>Tổng điểm (10 điểm)</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
<b>Tỉ lệ</b>			<b>(40%)</b>	<b>(30%)</b>	<b>(30%)</b>

**BẢNG MA TRẬN, MA TRẬN ĐẶC TẢ THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY**

Môn: **Vật lí 12** – Kiểm tra **Cuối học kì I** – Thời gian: 50 phút.

Năm học: 2025-2026

**1. Ma trận**

Stt	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá – Cấp độ tư duy									Tổng số câu và ý	Điểm số
			PHẦN I (18 câu TN)			PHẦN II (4 câu TN ĐS)			PHẦN III (6 câu TN TLN)				
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	TN	Tổng
1	VẬT LÝ NHIỆT	Cấu trúc của chất. Sự chuyển thể	1			2	1	1				5	1,25
		Nội năng, định luật 1 của nhiệt động lực học	1									1	0,25
		Nhiệt dung riêng	1									1	0,25
		Nhiệt nóng chảy riêng	1							1		2	0,5
2	KHÍ LÝ TỬ ĐỘNG	Mô hình động học phân tử chất khí	1	1		2	1	1		1		7	1,75
		Định luật Boyle	1	1	1						1	4	1,0
		Định luật Charles	1	1		1	1	2		1		7	1,75
		Phương trình trạng thái khí lý tưởng	1	1	1	1	1	2			1	8	2,0
		Áp suất khí theo mô hình động học phân tử	2	1	1					1		5	1,25
3	Số (câu + ý) TN		10TN	5TN	3TN	6TN	4TN	6TN		3TN	3TN	40	
4	Điểm số		2,5	1,25	0,75	1,5	1,0	1,5		0,75	0,75		10 điểm
5	Tổng điểm		4,5 điểm			4,0 điểm			1,5 điểm				

**Biết – Hiểu – Vận dụng: 4-3-3**

+ Phần I: 18 câu Lý Thuyết

+ Phần II: 4 câu 16 ý (12 Lý thuyết + 4 Bài tập) – linh hoạt miễn sao đủ 4/16 ý là BT

+ Phần III: 6 câu Bài tập

## 2. Bản đặc tả

STT	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	<i>Cấu trúc của chất. Sự chuyển thể</i>	Nhận biết: - Liệt kê được các nội dung cơ bản của mô hình động học phân tử - Nêu được sơ lược cấu trúc của chất rắn, chất lỏng, chất khí - Nêu được các đặc điểm của chất rắn kết tinh, chất rắn vô định hình.	1 TN 2 ĐS		
		Thông hiểu: - Phân biệt được cấu trúc của chất rắn, chất lỏng, chất khí. - Phân biệt được chất rắn kết tinh, chất rắn vô định hình. - So sánh được sự bay hơi và sự sôi trong quá trình chuyển thể. - Giải thích được cấu trúc của chất rắn, lỏng, khí và sự chuyển thể. - Phân biệt và giải thích được các thể tồn tại trên cùng 1 đồ thị.		1 ĐS	
		Vận dụng: - Giải thích được sơ lược một số hiện tượng vật lí liên quan đến sự chuyển thể: sự nóng chảy, sự hoá hơi. - Vận dụng được kiến thức đã học xác định được các yêu cầu của bài toán đề thi.			1 ĐS
2	<i>Nội năng, định luật 1 của nhiệt động lực học</i>	Nhận biết: - Định nghĩa được nội năng của vật - Liệt kê được các yếu tố ảnh hưởng tới nội năng của vật. - Nêu được các cách làm thay đổi nội năng của vật. - Nêu được mối liên hệ giữa nội năng của vật với năng lượng của các phân tử tạo nên vật, định luật 1 của nhiệt động lực học.	1 TN		

		<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được mối liên hệ giữa nội năng của vật với năng lượng của các phân tử tạo nên vật, định luật 1 của nhiệt động lực học.</li> <li>- Xác định được dấu của công, nhiệt lượng trong các trường hợp.</li> <li>- Vận dụng được định luật 1 của nhiệt động lực học trong một số trường hợp đơn giản.</li> </ul>			
		<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được định luật 1 của nhiệt động lực học trong một số trường hợp đơn giản.</li> <li>- Vận dụng được định luật 1 của nhiệt động lực học trong một số bài toán nâng cao.</li> </ul>			
3	<i>Nhiệt dung riêng</i>	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu được định nghĩa nhiệt dung riêng.</li> <li>- Nêu được đơn vị của nhiệt dung riêng.</li> <li>- Xác định được nhiệt dung riêng liên quan tới quá trình chuyển thể nào.</li> <li>- Nhận biết được hiện tượng liên quan đến nhiệt dung riêng.</li> </ul>	1 TN		
		<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính được nhiệt lượng khi biết nhiệt dung riêng.</li> <li>- So sánh được nhiệt dung riêng của các chất, từ đó xác định được nhiệt lượng cần cung cấp cho các chất.</li> <li>- Giải thích được mối liên hệ giữa nhiệt dung riêng và nhiệt lượng</li> <li>- Rút ra được mối liên hệ giữa nhiệt lượng và các đại lượng trong công thức tính nhiệt lượng.</li> </ul>			
		<p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập luận để thiết kế phương án hoặc lựa chọn phương án đo được nhiệt dung riêng bằng dụng cụ thực hành.</li> <li>- Vận dụng các kiến thức về nhiệt dung riêng để giải các bài toán nâng cao.</li> </ul>			
4	<i>Nhiệt nóng chảy riêng</i>	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được định nghĩa nhiệt nóng chảy riêng.</li> <li>- Nêu được đơn vị của nhiệt nóng chảy riêng.</li> <li>- Nắm được nhiệt độ nóng chảy của 1 số chất cơ bản.</li> </ul>	1 TN		

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được nhiệt nóng chảy riêng liên quan tới quá trình chuyển thể nào.</li> </ul>			
		<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính được nhiệt lượng khi biết nhiệt nóng chảy riêng.</li> <li>- So sánh được nhiệt nóng chảy riêng của các chất, từ đó xác định được nhiệt lượng cần cung cấp cho các chất.</li> <li>- Giải thích được tại sao nước giãn nở không đồng đều</li> <li>- Phân biệt được quá trình nhận nhiệt chưa chuyển thể và nhận nhiệt để chuyển thể.</li> <li>- Giải thích được mối liên hệ giữa nhiệt nóng chảy riêng và nhiệt lượng</li> </ul>		1 TLN	
		<p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập luận để thiết kế phương án hoặc lựa chọn phương án đo được nhiệt nóng chảy riêng bằng dụng cụ thực hành.</li> <li>- Vận dụng các kiến thức về nhiệt dung riêng để giải các bài toán nâng cao.</li> </ul>			
5	<i>Mô hình động học phân tử chất khí</i>	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được tính chất chuyển động hỗn loạn của các phân tử chất khí.</li> <li>- Nêu được các giả thuyết của mô hình động học phân tử chất khí.</li> <li>- Nêu được các giả thuyết của mô hình khí lí tưởng.</li> </ul>	1 TN 2 ĐS		
		<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được mô hình chuyển động Brown, nêu được tính chất chuyển động hỗn loạn của các phân tử chất khí.</li> <li>- Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến tính chất chuyển động hỗn loạn của các phân tử chất khí.</li> <li>- So sánh được các giả thuyết của mô hình động học phân tử chất khí và các giả thuyết của mô hình khí lí tưởng.</li> </ul>		1 TN 1 ĐS	

		<p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vận dụng được tính chất chuyển động hỗn loạn của các phân tử chất khí giải thích các hiện tượng thực tế.</li> <li>– Vận dụng được các giả thuyết của mô hình động học phân tử chất khí và các giả thuyết của mô hình khí lí tưởng giải thích các hiện tượng thực tế.</li> </ul>			<p>1 ĐS 1 TLN</p>
6	<i>Định luật Boyle</i>	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Liệt kê được các thông số trạng thái của một lượng khí xác định.</li> <li>– Nêu được khái niệm “quá trình đẳng nhiệt”</li> <li>– Định nghĩa được đường đẳng nhiệt.</li> <li>– Nêu được mối liên hệ giữa áp suất và thể tích của một khối lượng khí xác định khi nhiệt độ không đổi.</li> </ul>	1 TN		
		<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định quá trình đẳng nhiệt trong một số hiện tượng thực tế.</li> <li>– Vẽ phác được dạng đồ thị đường đẳng nhiệt trong các hệ trục tọa độ khác nhau.</li> <li>– Dựa mối liên hệ giữa áp suất và thể tích của một khối lượng khí xác định khi nhiệt độ không đổi tính được áp suất hoặc thể tích.</li> <li>– So sánh được các đồ thị biểu diễn quá trình đẳng nhiệt, phân tích được mối liên hệ giữa áp suất và nhiệt độ khi nhiệt độ không đổi.</li> </ul>		<p>1 TN 1 TLN</p>	
		<p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hiện thí nghiệm khảo sát được định luật Boyle: Khi giữ không đổi nhiệt độ của một khối lượng khí xác định thì áp suất gây bởi khí tỉ lệ nghịch với thể tích của nó.</li> <li>– Vận dụng được định luật Boyle giải thích được các hiện tượng thực tế đơn giản có liên quan.</li> <li>– Giải được bài toán thực tế liên quan đến quá trình đẳng nhiệt.</li> </ul>			<p>1 TN</p>

7	<i>Định luật Charles</i>	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được khái niệm “quá trình đẳng áp”</li> <li>– Nêu được mối liên hệ giữa thể tích và nhiệt độ của một khối lượng khí xác định khi áp suất không đổi.</li> <li>– Nhận diện được đồ thị biểu diễn quá trình đẳng áp.</li> </ul>	1 TN 1 ĐS		
		<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định quá trình đẳng áp trong một số hiện tượng thực tế.</li> <li>– Dự mối liên hệ giữa thể tích và nhiệt độ của một khối lượng khí xác định khi áp suất không đổi tính được thể tích hoặc nhiệt độ.</li> <li>– So sánh được đồ thị biểu diễn quá trình đẳng nhiệt, đẳng áp.</li> </ul>		1 TN 1 ĐS	
		<p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hiện thí nghiệm khảo sát được định luật Charles: Khi giữ không đổi áp suất của một khối lượng khí xác định thì thể tích của khí tỉ lệ với nhiệt độ tuyệt đối của nó.</li> <li>– Dùng định luật Charles giải thích được các hiện tượng thực tế đơn giản có liên quan.</li> <li>– Giải được bài toán thực tế liên quan đến quá trình đẳng áp.</li> </ul>			2 ĐS 1 TLN
8	<i>Phương trình trạng thái khí lí tưởng</i>	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được phương trình trạng thái của khí lí tưởng.</li> </ul>	1 TN 1 ĐS		
		<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Sử dụng định luật Boyle và định luật Charles rút ra được phương trình trạng thái của khí lí tưởng.</li> <li>– Sử dụng được phương trình trạng thái của khí lí tưởng, tính toán được đại lượng còn thiếu.</li> </ul>		1 TN 1 ĐS 1 TLN	
		<p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vận dụng được phương trình trạng thái của khí lí tưởng vào bài toán thực tế, phức tạp.</li> </ul>			1 TN 2 ĐS

9	<i>Áp suất khí theo mô hình động học phân tử</i>	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được biểu thức áp suất tác dụng lên thành</li> <li>– Nêu được biểu thức hằng số Boltzmann, <math>k = \frac{R}{N_A}</math>.</li> <li>– Nêu được động năng tịnh tiến trung bình của phân tử tỉ lệ với nhiệt độ T.</li> </ul>	2 TN		
		<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích được chuyển động của các phân tử ảnh hưởng như thế nào đến áp suất tác dụng lên thành bình và từ đó rút ra được hệ thức <math>p = \frac{1}{3}nm\overline{v^2}</math> với n là số phân tử trong một đơn vị thể tích (dùng mô hình va chạm một chiều đơn giản, rồi mở rộng ra cho trường hợp ba chiều bằng cách sử dụng hệ thức <math>\frac{1}{3}\overline{v^2} = \overline{v_x^2}</math>, không yêu cầu chứng minh một cách chính xác và chi tiết).</li> <li>– So sánh <math>pV = \frac{1}{3}Nm\overline{v^2}</math> với <math>pV = nRT</math>, rút ra được động năng tịnh tiến trung bình của phân tử tỉ lệ với nhiệt độ T.</li> <li>– Tính toán được áp suất, động năng tịnh tiến trung bình, các đại lượng liên quan khác của phân tử chất khí.</li> </ul>		1 TN	
		<p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vận dụng được biểu thức áp suất và động năng tịnh tiến trung bình để giải được bài toán tổng hợp</li> </ul>			1 TN 1 TLN
10	<i>Số lệnh hỏi = câu + ý</i>		16	12	12
11	<i>Tổng điểm</i>		4,0	3,0	3,0

**KHUNG MA TRẬN NỘI DUNG (CHỦ ĐỀ) – THÀNH PHẦN NĂNG LỰC – CẤP ĐỘ TƯ DUY  
CỦA ĐỀ CUỐI HỌC KÌ I LỚP 12 – MÔN HÓA HỌC - NĂM HỌC 2024-2025**

- **Phần dạng thức I (trắc nghiệm nhiều lựa chọn):** 18 câu (4,5 điểm)
- **Phần dạng thức II (trắc nghiệm Đ/S):** 4 câu (4 điểm)
- **Phần dạng thức III (Câu hỏi trả lời ngắn):** 6 câu (1,5 điểm)
- **Trong mỗi ô có 3 thông tin:**
  1. Hay 2. Hay 3. là phân mã hóa năng lực nhận thức.

Chủ đề	SỐ LỆNH HỎI																								Tổng
	Nhận thức hóa học											Tìm hiểu TGTN							Vận dụng kiến thức						
	Biết		Hiểu					Vận dụng				Biết	Hiểu		Vận dụng			Vận dụng							
	1.1	1.2	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.5	1.6	1.7	1.8	2.1	2.1	2.2	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5		
<b>ESTER – LIPID</b>	3	1	1																1					6	
<b>CACBOHYDRATE</b>	3			3					1															7	
<b>HỢP CHẤT CHỨA NITROGEN</b>	3			2					1					3					1					10	
<b>POLYMER – VẬT LIỆU POLYMER</b>	8			1																				9	
<b>PIN ĐIỆN VÀ ĐIỆN PHÂN</b>	2			3					1															6	
<b>TỔNG HỢP</b>																			2					2	

	<b>HH1. NHẬN THỨC HÓA HỌC</b>	<b>HH2. TÌM HIỂU TGTN</b>	<b>HH3. VẬN DỤNG KT-KN</b>	
<b>TPNL</b>	33	3	4	
	82,5%	7,5%	10%	
	<b>BIẾT</b>	<b>HIỂU</b>	<b>VẬN DỤNG</b>	
<b>Cấp độ</b>	20	13	7	
	47,62%	32,5%	17,5%	



	1	Nêu được khái niệm, đặc điểm về cấu tạo và tính chất chất giặt rửa của xà phòng và chất giặt rửa tự nhiên, tổng hợp.	<b>I.4</b> <b>HH1.1</b>								
<b>CACB OHYD RATE</b>	2	Nêu được khái niệm, cách phân loại carbohydrate, trạng thái tự nhiên của glucose, fructose, saccharose, maltose, tinh bột và cellulose.	<b>I.5</b> <b>HH1.1</b> <b>II.4a</b> <b>HH1.1</b>								
	2	Viết được công thức cấu tạo dạng mạch hở, dạng mạch vòng và gọi được tên của glucose và fructose, saccharose, maltose, tinh bột và cellulose	<b>II.4b</b> <b>HH1.1</b>	<b>I.6</b> <b>HH1.3</b>							
	2	Trình bày được tính chất hoá học cơ bản của glucose và fructose (phản ứng với copper(II) hydroxide, nước bromine, thuốc thử Tollens, phản ứng lên men của glucose, phản ứng riêng của nhóm -OH hemiacetal khi glucose ở dạng mạch vòng).		<b>I.7</b> <b>HH1.3</b>	<b>III.3</b> <b>HH1.6</b>						
	1	Trình bày được tính chất hoá học cơ bản của saccharose, maltose, tinh bột, cellulose.		<b>I.8</b> <b>HH1.3</b>							
<b>HỢP CHẤT CHỨA NITRO GEN</b>	1	Nêu được khái niệm amine và phân loại amine (theo bậc của amine và bản chất gốc hydrocarbon). Viết được công thức cấu tạo và gọi được tên một số amine theo danh pháp thế, danh pháp gốc chức (số nguyên tử C trong phân tử $\leq 5$ ), tên thông thường của một số amine hay gặp.	<b>I.9</b> <b>HH1.1</b>								
	1	Trình bày được tính chất hoá học đặc trưng của amine: tính chất của nhóm $\text{NH}_2$ (tính base với quỳ tím, với $\text{HCl}$ , với $\text{FeCl}_3$ ), phản ứng với nitrous acid, phản ứng thế ở nhân thơm (với nước bromine) của aniline, phản		<b>I.10</b> <b>HH1.3</b>	<b>A.</b>						

		ứng tạo phức của methylamine (hoặc ethylamine) với Cu(OH) <sub>2</sub> .									
	<b>2</b>	- Gọi được tên một số amino acid thông dụng. - Nêu được đặc điểm cấu tạo phân tử của amino acid - Tính số gốc amino acid; số liên kết peptide; phân tử khối peptide; số nguyên tử C, H, O, N, ... trong phân tử peptide	<b>I.11</b> <b>HH1.1</b>								
	<b>6</b>	- Trình bày được tính chất hoá học đặc trưng của amino acid (tính lưỡng tính, phản ứng ester hoá; phản ứng trùng ngưng của amino acid) từ đó tính toán lượng chất - Trình bày được tính chất vật lý, hoá học đặc trưng của peptide, protein (phản ứng thủy phân, phản ứng màu biuret). - Thực hiện được thí nghiệm phản ứng màu biuret của peptide.	<b>II.4c</b> <b>HH1.1</b>	<b>I.12</b> <b>HH1.3</b>				<b>II.1a</b> <b>II.1c</b> <b>II.1d</b> <b>HH2.2</b>			<b>II.1b</b> <b>HH3.1</b>
<b>POL YM ER</b>	<b>1</b>	Nêu được đặc điểm về tính chất vật lý (trạng thái, nhiệt độ nóng chảy, tính chất cơ học) của một số polymer.	<b>I.13</b> <b>HH1.1</b>								
	<b>1</b>	Viết được công thức cấu tạo và gọi được tên của một số polymer thường gặp như (polyethylene (PE), polypropylene (PP), polystyrene (PS), poly(vinyl chloride) (PVC), polybutadiene, polyisoprene, poly(methyl methacrylate), poly(phenol formaldehyde) (PPF), capron, nylon-6,6).		<b>I.14</b> <b>HH1.3</b>							
	<b>1</b>	Trình bày được phương pháp trùng hợp, trùng ngưng để tổng hợp một số polymer thường gặp.	<b>I.15</b> <b>HH1.1</b>	<b>B.</b>	<b>C.</b>						

	6	Trình bày được cấu tạo, tính chất và ứng dụng của một số loại tơ, chất dẻo, cao su, keo dán, composite.	<b>I.16</b> <b>HH1.1</b> <b>II.2a</b> <b>II.2b</b> <b>II.2c</b> <b>II.2d</b> <b>HH1.1</b> <b>II.4d</b> <b>HH1.1</b>								
<b>PIN ĐIỆN VÀ ĐIỆN PHÂN</b>	4	Nêu được cấu tạo, nguyên tắc hoạt động của pin Galvani.	<b>I.17</b> <b>HH1.1</b> <b>II.3c</b> <b>HH1.1</b>	<b>II.3b</b> <b>II.3d</b> <b>HH1.3</b>							
	1	Trình bày được nguyên tắc (thứ tự) điện phân dung dịch, điện phân nóng chảy.		<b>I.18</b> <b>HH1.3</b>							
	1	Sử dụng bảng giá trị thế điện cực chuẩn để: -So sánh được tính khử, tính oxi hoá giữa các cặp oxi hoá – khử; -Dự đoán được chiều hướng xảy ra phản ứng giữa hai cặp oxi hoá – khử. -Tính sức điện động của pin			<b>II.3a</b> <b>HH1.6</b>						
<b>TỔNG HỢP</b>	1	Cấu tạo, tên gọi; tính chất vật lý – hóa học và ứng dụng của ester – lipid; xà phòng – chất giặt rửa tổng hợp; carbohydrate; amine – aminoacid; peptide – protein; polymer – vật liệu; thế điện cực chuẩn; nguồn điện hóa học; pin Galvani								<b>III.5</b> <b>HH3.1</b>	
	1	Bài toán thực tiễn – đời sống về xà phòng; độ rượu; tráng bạc; pin;....								<b>III.6</b> <b>HH3.1</b>	



	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Di truyền nhiễm sắc thể</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiễm sắc thể là vật chất di truyền</li> <li>- Đột biến nhiễm sắc thể</li> </ul>	1 NT2-5								
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thí nghiệm của Mendel</li> <li>- Mở rộng học thuyết Mendel</li> </ul>	1 NT1		1 VD2	1 NT1	1 TH1-2		1 NT1	2VD2	
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thí nghiệm của Morgan</li> <li>• Liên kết gen</li> <li>• Hoán vị gene</li> <li>• Di truyền giới tính và liên kết với giới tính</li> <li>+ Ý nghĩa</li> </ul>	1 NT1	1 NT2-5	1 VD2			1 (TH1-2, VD2)		1VD2	
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Di truyền ngoài nhân</li> <li>- Lai hữu tính và công nghệ tế bào</li> </ul>	1 NT1	1 NT2-5					1 NT1		
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Di truyền quần thể</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm di truyền quần thể</li> <li>- Các đặc trưng di truyền của quần thể</li> <li>- Cấu trúc di truyền quần thể ngẫu phối</li> <li>- Cấu trúc di truyền quần thể tự thụ phân và giao phối gần</li> <li>- Định luật Hardy - Weinberg</li> <li>- Ứng dụng</li> </ul>	2 NT1	1 TH1-2	1 VD2		1 TH1-2			1VD2	
3	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Di truyền học người</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Di truyền y học</li> <li>- Y học tư vấn</li> <li>- Liệu pháp gene</li> </ul>	1 NT1		1 VD2						
<b>Tổng số câu</b>			<b>10</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>4</b>
<b>Tổng số điểm</b>			(I): 2,5 đ	(II): 1,0 đ	(III): 1,0 đ	(IV): 1,0 đ	(V): 2,0 đ	(VI): 1,0 đ	(VII): 0,5 đ	(VIII): 0 đ	(IX): 1,0 đ
<b>Tổng số câu/điểm từng định dạng</b>			<b>18 câu / 4.5 điểm</b>			<b>4 câu/ 4.0 điểm</b>			<b>6 câu/ 1.5 điểm</b>		
<b>Tổng từng mức độ nhận thức:</b>			<b>Nhận biết: I+IV+VII = 4,0 đ</b>			<b>Thông hiểu: II+V+VIII = 3,0 đ</b>			<b>Vận dụng: III+VI+IX = 3,0 đ</b>		

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  
**MÔN: SINH HỌC 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 50 PHÚT**

Chủ đề	Đơn vị KT	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Dạng thức		
			NLC	Đ/S	TLN
<b>Di truyền phân tử</b>	- <b>Gene và cơ chế truyền thông tin di truyền</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dựa vào cấu trúc hoá học của phân tử DNA, trình bày được chức năng của DNA. Nêu được ý nghĩa của các kết cặp đặc hiệu A-T và G-C.</li> <li>- Nêu được khái niệm và cấu trúc của gene. Phân biệt được các loại gene dựa vào cấu trúc và chức năng.</li> <li>- Phân tích được cơ chế tái bản của DNA là một quá trình tự sao thông tin di truyền từ tế bào mẹ sang tế bào con hay từ thế hệ này sang thế hệ sau.</li> <li>- Phân biệt được các loại RNA. Phân tích được bản chất phiên mã thông tin di truyền là cơ chế tổng hợp RNA dựa trên DNA.</li> <li>- Nêu được khái niệm phiên mã ngược và ý nghĩa.</li> <li>- Nêu được khái niệm và các đặc điểm của mã di truyền.</li> <li>- Trình bày được cơ chế tổng hợp protein từ bản sao là RNA có bản chất là quá trình dịch mã.</li> <li>- Vẽ và giải thích được sơ đồ liên kết ba quá trình thể hiện cơ chế di truyền ở cấp phân tử là quá trình truyền đạt thông tin di truyền.</li> <li>- Thực hành tách chiết được DNA.</li> <li>- Trình bày được thí nghiệm trên operon Lac của <i>E.coli</i>.</li> <li>- Phân tích được ý nghĩa của điều hoà biểu hiện của gene trong tế bào và trong quá trình phát triển cá thể.</li> <li>- Nêu được các ứng dụng của điều hoà biểu hiện gene.</li> </ul>	1 NT1		
	- <b>Điều hoà biểu hiện gene</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được thí nghiệm trên operon Lac của <i>E.coli</i>.</li> <li>- Phân tích được ý nghĩa của điều hoà biểu hiện của gene trong tế bào và trong quá trình phát triển cá thể.</li> <li>- Nêu được các ứng dụng của điều hoà biểu hiện gene.</li> </ul>	1NT1		
	- <b>Đột biến gene</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm đột biến gene</li> <li>- Phân biệt được các dạng đột biến gene.</li> <li>- Phân tích được nguyên nhân, cơ chế phát sinh của đột biến gene.</li> <li>- Trình bày được vai trò của đột biến gene trong tiến hoá, trong chọn giống và trong nghiên cứu di truyền.</li> </ul>	1 NT1		
	- <b>Hệ gene</b> - <b>Công nghệ gene</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu được khái niệm hệ gene.</li> <li>- Trình bày được một số thành tựu và ứng dụng của việc giải mã hệ gene người - Nêu được khái niệm, nguyên lí và một số thành tựu của công nghệ DNA tái tổ hợp.</li> <li>- Nêu được khái niệm, nguyên lí và một số thành tựu tạo thực vật và động vật biến đổi gene.</li> </ul>	1 NT1		

		- Tranh luận, phản biện được về việc sản xuất và sử dụng sản phẩm biến đổi gene và đạo đức sinh học.			
<ul style="list-style-type: none"> <li>• - <b>Nhiễm sắc thể là vật chất di truyền</b></li> <li>• - <b>Đột biến NST</b></li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được cấu trúc siêu hiển vi của nhiễm sắc thể.</li> <li>- Mô tả được cách sắp xếp các gene trên nhiễm sắc thể, mỗi gene định vị tại mỗi vị trí xác định gọi là locus.</li> <li>- Trình bày được nhiễm sắc thể là vật chất di truyền.</li> <li>- Trình bày được nguyên nhân và cơ chế phát sinh đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể. Phân biệt được các dạng đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể.</li> <li>- Trình bày được nguyên nhân và cơ chế phát sinh đột biến số lượng nhiễm sắc thể. Phân biệt được các dạng đột biến số lượng nhiễm sắc thể. Lấy được ví dụ minh họa.</li> </ul>	1 NT2-5		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thí nghiệm của Mendel</li> <li>- Mở rộng học thuyết</li> <li>• Mendel</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được bối cảnh ra đời thí nghiệm của Mendel.</li> <li>- Trình bày được cách bố trí và tiến hành thí nghiệm của Mendel.</li> <li>- Nêu được tính quy luật của hiện tượng di truyền và giải thích thí nghiệm của Mendel.</li> <li>- Trình bày được cơ sở tế bào học của các thí nghiệm của Mendel dựa trên mối quan hệ giữa nguyên phân, giảm phân và thụ tinh. Nêu được vì sao các quy luật di truyền của Mendel đặt nền móng cho di truyền học hiện đại.</li> <li>- Giải thích được sản phẩm của các allele của cùng một gene và của các gene khác nhau có thể tương tác với nhau quy định tính trạng.</li> </ul>	1NT1 1VD2	1NT1 1 TH1- 2	1NT1 2VD2
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thí nghiệm của Morgan</li> <li>+ Lịch sử ra đời thí nghiệm của Morgan</li> <li>+ Thí nghiệm</li> <li>• Liên kết gen</li> <li>• Hoán vị gene</li> <li>• Di truyền giới tính và liên kết với giới tính</li> <li>• + Ý nghĩa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được cách bố trí và tiến hành thí nghiệm của Morgan, từ đó phát biểu được khái niệm liên kết gene.</li> <li>- Phân tích được cơ sở tế bào học và ý nghĩa của liên kết gene.</li> <li>- Phân tích được cơ sở tế bào học và ý nghĩa của hoán vị gen.</li> <li>- Nêu được khái niệm nhiễm sắc thể giới tính; di truyền giới tính.</li> <li>- Phân tích được cơ chế di truyền xác định giới tính..</li> <li>- Trình bày được quan điểm của bản thân về việc điều khiển giới tính ở người theo ý muốn.</li> <li>- Trình bày được phương pháp lập bản đồ di truyền (thông qua trao đổi chéo). Nêu được ý nghĩa của việc lập bản đồ di truyền.</li> <li>- Vận dụng những hiểu biết về di truyền giới tính và liên kết với giới tính để giải thích các vấn đề trong thực tiễn (Ví dụ: điều khiển giới tính trong chăn nuôi, phát hiện bệnh do rối loạn cơ chế phân li, tổ hợp nhiễm sắc thể giới tính,...).</li> <li>- Nêu được quan điểm của Mendel và Morgan về tính quy luật của hiện tượng di truyền.</li> </ul>	1NT1 1 NT2-5 1VD2	1 (TH1- 2, VD2)	1VD2
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Di truyền ngoài nhân và công nghệ tế bào</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được đặc điểm di truyền của gene ngoài nhân và một số ứng dụng.</li> <li>- Vận dụng hiểu biết về di truyền ngoài nhân để giải quyết được một số vấn đề thực tiễn.</li> <li>- Nêu được một số thành tựu chọn, tạo giống cây trồng, vật nuôi bằng các phương pháp lai hữu tính.</li> </ul>	1 NT1 1 NT2-5		1 NT1

<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Di truyền quần thể</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm di truyền quần thể</li> <li>- Các đặc trưng di truyền của quần thể</li> <li>- Cấu trúc di truyền quần thể ngẫu phối</li> <li>- Cấu trúc di truyền quần thể tự thụ phấn và giao phối gần</li> <li>- Định luật Hardy - Weinberg</li> <li>• - Ứng dụng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu được khái niệm quần thể (từ góc độ di truyền học). Lấy được ví dụ minh họa.</li> <li>- Phát biểu được khái niệm di truyền quần thể.</li> <li>- Trình bày được các đặc trưng di truyền của quần thể (tần số của các allele, tần số của các kiểu gene).</li> <li>- Trình bày được ảnh hưởng của tự thụ phấn, giao phối gần, ngẫu phối chi phối tần số của các allele và thành phần kiểu gene của một quần thể.</li> <li>- Nêu được cấu trúc di truyền của quần thể ngẫu phối: Mô tả được trạng thái cân bằng di truyền của quần thể.</li> <li>- Phân tích được cấu trúc di truyền của quần thể tự thụ phấn và quần thể giao phối gần.</li> <li>- Trình bày được định luật Hardy - Weinberg và điều kiện nghiệm đúng.</li> <li>- Giải thích một số vấn đề thực tiễn: vấn đề hôn nhân gia đình; vấn đề cho cây tự thụ phấn, động vật giao phối gần giảm năng suất, chất lượng.</li> </ul>	<p>2 NT1 1 TH1- 2 1 VD2</p>	<p>1 TH1- 2</p>	<p>1 VD2</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Di truyền học người</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Di truyền y học</li> <li>- Y học tư vấn</li> <li>• - Liệu pháp gene</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm và vai trò di truyền học người, di truyền y học.</li> <li>- Nêu được một số phương pháp nghiên cứu di truyền người (tập trung vào phương pháp phả hệ). Xây dựng được phả hệ để xác định được sự di truyền tính trạng trong gia đình.</li> <li>- Nêu được khái niệm y học tư vấn. Trình bày được cơ sở của y học tư vấn.</li> <li>- Giải thích được vì sao cần đến cơ sở tư vấn hôn nhân gia đình trước khi kết hôn và sàng lọc trước sinh.</li> <li>- Nêu được khái niệm liệu pháp gene. Vận dụng hiểu biết về liệu pháp gene để giải thích việc chữa trị các bệnh di truyền.</li> <li>- Trình bày được một số thành tựu và ứng dụng của liệu pháp gene.</li> </ul>	<p>1NT1 1VD2</p>		
<b>Tổng câu</b>			<b>18</b>	<b>4</b>	<b>6</b>

**MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY**

**Môn: CÔNG NGHỆ 12 – KÌ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Năm học: 2025-2026**

**1. MA TRẬN**

TT	Chương/ Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			TN nhiều lựa chọn			TN dạng Đúng/sai			Tự luận			Biết	Hiểu	VD		
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
1	<b>Chủ đề 1</b> <b>Giới thiệu chung về kỹ thuật điện</b>	1.1. Giới thiệu tổng quan về kỹ thuật điện	C1	C2									1	1		5%
		1.2. Ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật điện	C3										1			2,5%
2	<b>Chủ đề 2</b> <b>Hệ thống điện quốc gia</b>	2.1. Mạch điện xoay chiều ba pha	C4-C5		C6-C7	ĐS1a	ĐS1b	ĐS1c-1d					3	3	2	20%
		2.2. Hệ thống điện quốc gia	C8	C9									1	1		5%
		2.3. Sản xuất điện năng	C10	C11									1	1		5%
		2.4. Mạng điện sản xuất quy mô nhỏ	C12	C13		ĐS2a	ĐS2b	ĐS2c-2d					2	2	2	15%
		2.5. Mạng điện hạ áp dùng trong sinh hoạt	C14	C15									1	1		5%

3	Chủ đề 3 Hệ thống điện gia đình	3.1. Hệ thống điện trong gia đình	C16-17	C18							2	1		7,5%	
		3.2. Thiết bị điện trong hệ thống điện gia đình		C19	C20-C21	ĐS3a	ĐS3b	ĐS3c-3d				1	2	4	17,5%
		3.3. Thiết kế và lắp đặt mạch điện điều khiển trong gia đình													
4	Chủ đề 4 An toàn và tiết kiệm điện năng	4.1. An toàn điện	C22	C23		ĐS4a	ĐS4b				2	2		10%	
		4.2. Tiết kiệm điện năng	C24					ĐS4c-4d				1		2	7,5%
Tổng số câu			12	8	4	4	4	8							
Tổng số điểm			3,0	2,0	1,0	1,0	1,0	2,0							
Tỉ lệ %			60%			40%									

+ Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần II là một lệnh hỏi; mỗi ý hỏi tại Phần II là một lệnh hỏi.

+ **Trắc nghiệm nhiều lựa chọn:** 24 câu TN ( 20 câu LT + 4 câu BT)

+ **Trắc nghiệm dạng Đúng/sai:** 4 câu trắc nghiệm đúng sai, mỗi câu 4 ý a, b, c, và d (4,0 điểm)

## 2. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chương/chủ đề	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra các chỉ báo và mức độ)	Số lượng chỉ báo		
				Trắc nghiệm		Tự luận
				NLC	Đ/S	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chủ đề 1 Giới thiệu chung về kỹ thuật điện	1.1. Giới thiệu tổng quan về kỹ thuật điện	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được khái niệm kỹ thuật điện.</li> </ul>	TN-C1		
			<p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tóm tắt được vị trí, vai trò và triển vọng phát triển của kỹ thuật điện trong sản xuất và đời sống.</li> </ul>	TN-C2		
		1.2. Ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật điện	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được một số ngành nghề thuộc lĩnh vực trong kỹ thuật điện.</li> </ul>	TN-C3		
2	Chủ đề 2 Hệ thống điện quốc gia	2.1. Mạch điện xoay chiều ba pha	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được khái niệm và nguyên tắc tạo ra dòng điện xoay chiều ba pha.</li> </ul>	TN-C4-C5	ĐS-1a	
			<p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được cách nối nguồn, tải ba pha</li> </ul>		ĐS-1b	
			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định các thông số hiệu dụng của mạch điện ba pha đối xứng.</li> </ul>	TN-C6-C7	ĐS-1c-1d	
		2.2. Hệ thống điện quốc gia	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ được cấu trúc chung của hệ thống điện quốc gia.</li> </ul>	TN-C8		
			<p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả cấu trúc chung và vai trò của từng thành phần trong hệ thống điện quốc gia.</li> </ul>	TN-C9		
		2.3. Sản xuất điện năng	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được nội dung cơ bản một số phương pháp sản xuất điện năng chủ yếu.</li> </ul>	TN-C10		

			<p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được ưu điểm và hạn chế mỗi phương pháp sản xuất điện năng.</li> </ul>	TN-C11		
		2.4. Mạng điện sản xuất quy mô nhỏ	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được cấu trúc chung của mạng điện sản xuất quy mô nhỏ.</li> </ul>	TN-C12	ĐS-2a	
			<p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được cấu trúc chung, các thiết bị và vai trò của chúng trong mạng điện sản xuất quy mô nhỏ.</li> </ul>	TN-C13	ĐS-2b	
			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính được công suất tiêu thụ của một thiết bị hoặc toàn mạng điện khi biết điện áp - dòng điện - điện trở.</li> <li>- Tính năng lượng điện tiêu thụ trong thời gian xác định (kWh).</li> <li>- Xác định công suất cần thiết cho một hộ gia đình nếu biết các thiết bị và thời gian sử dụng.</li> </ul>		ĐS-2c-2d	
		2.5. Mạng điện hạ áp dùng trong sinh hoạt	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ được sơ đồ mạng điện hạ áp dùng trong sinh hoạt.</li> </ul>	TN-C14		
			<p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được sơ đồ và các thông số kỹ thuật của mạng điện hạ áp dùng trong sinh hoạt.</li> </ul>	TN-C15		
3	<p>Chủ đề 3</p> <p>Hệ thống điện gia đình</p>	3.1. Hệ thống điện trong gia đình	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ được cấu trúc chung của hệ thống điện gia đình.</li> <li>- Vẽ được sơ đồ nguyên lý và sơ đồ lắp đặt của hệ thống điện trong gia đình.</li> </ul>	TN-C16-C17		
			<p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được cấu trúc chung của hệ thống điện trong gia đình.</li> <li>- Phân biệt được sơ đồ nguyên lý với sơ đồ lắp đặt.</li> </ul>	TN-C18		
		3.2. Thiết bị điện trong hệ thống điện gia đình	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể tên và nhận diện được các thiết bị thường gặp: công tắc, cầu chì, aptomat (CB), ổ cắm, phích cắm, dây dẫn điện, bóng đèn, quạt điện, nồi cơm, tủ lạnh, bình đun nước,...</li> </ul>		ĐS-3a	

			- Biết được chức năng đơn giản của một số thiết bị.			
			Hiểu: - Trình bày được chức năng và thông số kỹ thuật của một số thiết bị điện phổ biến trong hệ thống điện gia đình. - Hiểu ý nghĩa đơn giản của các ký hiệu trên tem thiết bị (220 V – 50 Hz, 1000 W,...).	TN-C19	ĐS-3b	
			Vận dụng: - Xác định thông số kỹ thuật cho thiết bị đóng cắt, bảo vệ, truyền dẫn điện trong hệ thống điện.	TN-C20-C21	ĐS-3c-3d	
		3.3. Thiết kế và lắp đặt mạch điện điều khiển trong gia đình	Hiểu: - Thiết kế và lắp đặt được một mạch điều khiển đơn giản trong gia đình.			
4	Chủ đề 4 An toàn và tiết kiệm điện năng	4.1. An toàn điện	Biết: - Trình bày được khái niệm về an toàn điện	TN-C22	ĐS-4a	
			Hiểu: Trình bày biện pháp và thực hiện một số biện pháp an toàn điện.	TN-C23	ĐS -4b	
		4.2. Tiết kiệm điện năng	Biết: - Trình bày được khái niệm, biện pháp và thực hiện một số biện pháp tiết kiệm điện năng.	TN-C24		
			Vận dụng: - Áp dụng được các biện pháp an toàn và tiết kiệm điện năng.		ĐS-4c-4d	
Tổng số câu				24	4	

**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ – CUỐI HỌC KÌ I**  
**MÔN TIN HỌC 12. THỜI GIAN: 45 PHÚT**

**KHUNG MA TRẬN**

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ-NLC			TNKQ-ĐS			Tự luận			Biết	Hiểu	VD	
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD				
1	Chủ đề 4. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	8. Định dạng văn bản cơ bản	2 (1,2)	2 (3,4)	2 (5,6)	2 (1a,1b)	1 (1c)	1 (1d)				4	3	3	25% 2,5
		9. Tạo danh sách, bảng.	3 (7,8,9)	2 (10,11)	3 (12,13,14)	2 (2a,2b)	1 (2c)	1 (2d)				5	3	4	30% 3
		10. Tạo liên kết.	3 (15,16,17)	3 (18,19,20)	2 (21,22)	2 (3a,3b)	1 (3c)	1 (3d)				5	4	3	30% 3
		11. Chèn tệp tin đa phương tiện và khung nội tuyến vào trang web.	2 (23,24)	2 (25,26)	2 (27,28)							2	2	2	15% 1,5
<i>Tổng số câu và ý</i>			<b>10 câu</b>	<b>9 câu</b>	<b>9 câu</b>	<b>6 ý</b>	<b>3 ý</b>	<b>3 ý</b>				16	12	12	
<i>Tổng số điểm</i>			<b>2,5</b>	<b>2,25</b>	<b>2,25</b>	<b>1,5</b>	<b>0,75</b>	<b>0,75</b>				4	3	3	
<i>Tỉ lệ %</i>			<b>70%</b>			<b>30%</b>						<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>30%</b>	

**BẢNG ĐẶC TẢ**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			Thực hành/Tự luận
				Trắc nghiệm khách quan			
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
1	Chủ đề 4. Giải quyết vấn đề với sự	8. Định dạng văn bản cơ bản	<b>Nhận biết</b> – Nhận biết và trình bày được các thẻ HTML định dạng văn bản: <h1>...<h6>, <p>, <div>, <span>,  , <hr>	2 MC (B) (NLa,NLc) 2 MC (H) (NLa,NLc) 2 MC (V)	1 YN (B,B,H,V) (NLa,NLc)		

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
	trợ giúp của máy tính		<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết và trình bày được các thẻ định dạng chữ: &lt;strong&gt;, &lt;em&gt;, &lt;b&gt;, &lt;i&gt;</li> <li>– Nhận biết thuộc tính thẻ (attributes) nói chung và style nói riêng.</li> <li>– Liệt kê các kiểu định dạng mà style có thể điều chỉnh: màu sắc, phong chữ, cỡ chữ, kiểu chữ.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích cách sử dụng các thẻ định dạng để trình bày văn bản (tiêu đề, đoạn, khối, inline).</li> <li>– Mô tả cách sử dụng thuộc tính style để định dạng văn bản (ví dụ: style="color:red; font-size:16px;").</li> <li>– Phân tích đoạn mã HTML định dạng văn bản để xác định thẻ nào đảm nhiệm việc gì.</li> <li>– So sánh việc sử dụng thẻ định dạng như &lt;strong&gt; so với dùng style="font-weight:bold;".</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Viết mã HTML để tạo một đoạn văn có tiêu đề, có các đoạn, trong đó các chữ được định dạng (in đậm, nghiêng, màu, kích thước) sử dụng các thẻ và style.</li> <li>– Cho mã HTML không hoàn chỉnh, học sinh bổ sung các thuộc tính style hoặc sửa thẻ định dạng để đáp ứng yêu cầu định dạng.</li> <li>– Đánh giá và chỉnh sửa mã HTML của bạn / bạn khác để đảm bảo tuân quy tắc lồng thẻ đúng, thuộc tính hợp lý.</li> </ul>	(NLa,NLc)			
		<b>9. Tạo danh sách, bảng.</b>	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết khái niệm danh sách trong HTML và phân biệt được 3 loại danh sách: Danh sách không thứ tự (&lt;ul&gt;), Danh sách có thứ tự (&lt;ol&gt;) và Danh sách mô tả (&lt;dl&gt;).</li> <li>– Biết các thuộc tính cơ bản của danh sách như type (kiểu đánh dấu), start (giá trị bắt đầu).</li> </ul>	3 MC (B) (NLa,NLc) 2 MC (H) (NLa,NLc) 3 MC (V) (NLa,NLc)	1 YN (B,B,H,V) (NLa,NLc)		

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
			<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được các thẻ cơ bản để tạo bảng: &lt;table&gt; (khai báo bảng), &lt;tr&gt; (tạo hàng), &lt;th&gt; (tạo ô tiêu đề), &lt;td&gt; (tạo ô dữ liệu), &lt;caption&gt; (tiêu đề bảng).</li> <li>– Biết các thuộc tính gộp ô: rowspan (gộp hàng), colspan (gộp cột).</li> <li>– Nhận biết một số thuộc tính cơ bản của bảng: border, width, cellpadding, cellspacing</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích được mục đích sử dụng các loại danh sách: Khi nào nên dùng &lt;ul&gt;, &lt;ol&gt; hoặc &lt;dl&gt; cho đúng ngữ cảnh.</li> <li>– Hiểu được quy tắc "dòng trước, ô sau" trong HTML. Giải thích được vai trò của từng thẻ trong bảng.</li> <li>– Hiểu được cấu trúc lồng nhau: danh sách có thể lồng trong ds khác, hoặc danh sách có thể nằm trong ô của một bảng.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tạo được danh sách có thứ tự/không thứ tự cho mục lục, bước thực hiện, danh mục,...</li> <li>– Tạo được bảng dữ liệu cơ bản để trình bày thông tin.</li> <li>– Sử dụng được một số thuộc tính định dạng: điều chỉnh độ rộng bảng, gắn đường viền, căn chỉnh dữ liệu, gộp ô.</li> <li>– Vận dụng kết hợp danh sách và bảng vào trong cấu trúc chung của một trang web đơn giản để trình bày nội dung khoa học, thẩm mỹ.</li> </ul>				
		<b>10. Tạo liên kết.</b>	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết khái niệm liên kết (hyperlink) trong trang web.</li> <li>– Nhận biết thẻ tạo liên kết &lt;a&gt; và các thuộc tính cơ bản href, id, title, nội dung hiển thị của liên kết. Thuộc tính mở liên kết trong tab mới (target="_blank")</li> <li>– Nhận biết 2 loại đường dẫn: đường dẫn tuyệt đối, đường dẫn tương đối.</li> </ul>	3 MC (B) (NLa, NLb,NLc) 3 MC (H) (NLa, NLb,NLc) 2 MC (V)	1 YN (B,B,H,V) (NLa, NLb,NLc)		

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
			<p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giải thích được ý nghĩa của các thành phần trong thẻ &lt;a&gt;: vì sao cần href, lợi ích của target="_blank".</li> <li>Hiểu được sự khác nhau giữa đường dẫn tuyệt đối (thường dùng cho liên kết ngoài) và đường dẫn tương đối (thường dùng cho liên kết nội bộ website).</li> <li>Hiểu được vai trò của liên kết trong trang web: điều hướng, liên kết tài liệu, tạo trải nghiệm người dùng mạch lạc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tạo được liên kết đến trang web khác.</li> <li>Tạo được liên kết đến tệp tin như hình ảnh, video, âm thanh, PDF,... trong cùng thư mục dự án.</li> <li>Tạo được liên kết nội bộ: liên kết tới vị trí khác trong cùng trang bằng cách dùng id và href="#id".</li> <li>Sử dụng được thuộc tính target="_blank" để mở trang trong tab mới.</li> </ul>	(NLa, NLb,NLc)			
		<p><b>11. Chèn tệp tin đa phương tiện và khung nội tuyến vào trang web.</b></p>	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết khái niệm tệp tin đa phương tiện (hình ảnh, âm thanh, video).</li> <li>Nhận biết các thẻ HTML dùng để chèn tệp tin đa phương tiện: &lt;img&gt; để chèn hình ảnh, &lt;audio&gt; để chèn âm thanh, &lt;video&gt; để chèn video.</li> <li>Nhận biết một số thuộc tính cơ bản của các thẻ đa phương tiện: src, alt, controls, width, height, autoplay, loop,...</li> <li>Nhận biết thẻ khung nội tuyến (iframe): dùng để nhúng trang web hoặc nội dung bên ngoài. Các thuộc tính: src, width, height, title.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p>	<p>2 MC (B) (NLa, NLb,NLc) 2 MC (H) (NLa, NLb,NLc) 2 MC (V) (NLa, NLb,NLc)</p>			

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
			<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích được mục đích sử dụng các thẻ đa phương tiện: khi nào dùng hình ảnh, âm thanh, video.</li> <li>– Hiểu được ý nghĩa và vai trò của từng thuộc tính: controls giúp điều khiển phát, autoplay tự phát khi tải trang, loop lặp lại, width/height điều chỉnh kích thước.</li> <li>– Giải thích được các yêu cầu về định dạng tệp tin đa phương tiện tương thích với trình duyệt.</li> <li>– Hiểu được chức năng của &lt;iframe&gt;: nhúng bản đồ, video YouTube, trang web khác, tài liệu trực tuyến.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Chèn được hình ảnh vào trang web bằng thẻ &lt;img&gt; và điều chỉnh kích thước phù hợp với bố cục.</li> <li>– Chèn được tệp âm thanh hoặc video: có sử dụng các thuộc tính controls, autoplay, loop.</li> <li>– Nhúng được nội dung trực tuyến bằng iframe: video YouTube, bản đồ Google Maps, tài liệu hoặc trang web khác.</li> <li>– Kiểm tra và sửa được lỗi khi ảnh hoặc video không hiển thị (thường do sai đường dẫn hoặc sai tên tệp).</li> </ul>				
		<b>Tổng</b>		10 lệnh B 9 lệnh H 9 lệnh V	6 lệnh B 3 lệnh H 3 lệnh V		
		<b>Tỉ lệ %</b>		16 B = 40%, 12 H = 30%, 12 VD = 30%			
		<b>Tỉ lệ chung</b>		B + H = 70%		VD = 30%	

**Lưu ý:** - Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể ra vào một trong các đơn vị kiến thức.

– Với các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận (lý thuyết/Thực hành).

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  
**NĂM HỌC 2025 – 2026**  
**MÔN: LỊCH SỬ - LỚP 12**

**I. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:** trắc nghiệm

**II. BẢNG ĐẶC TẢ, MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC						Tổng số câu hỏi TN	Tổng số câu hỏi Đ-S	Tỉ lệ % (điểm)	
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG					
			TN	D-S	TN	D-S	TN	D-S				
1	<b>CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)</b>	1. Cách mạng tháng Tám năm 1945	2			1				2	1	15%
		2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)	6			1				6	1	25%
		3. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)	6					1		6	1	25%
		4. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay	6					1		6	1	25%
		5. Một số bài học lịch sử						4		4		10%
<b>Tổng</b>			20			2		4	2	24	4	
<b>Tỉ lệ % (điểm)</b>			<b>50%</b>		<b>20%</b>		<b>30%</b>					

## 2. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần KT		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)	1. Cách mạng tháng Tám năm 1945	<b>Nhận biết:</b> - Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.	2TN		
			<b>Thông Hiểu:</b> - Phân tích được vị trí, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong tiến trình lịch sử Việt Nam.		1ĐS	
			<b>Vận dụng:</b> - Vận dụng bài học của cách mạng tháng 8/1945 cho các phong trào cách mạng sau này - Rút ra bài học thực tiễn về lý luận cách mạng cho đất nước dân tộc			
		2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)	<b>Nhận biết:</b> - Biết cách sưu tầm tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.	6TN		
<b>Thông Hiểu:</b> - Liên hệ các phong trào chống Pháp với phong trào cách mạng thế giới			1ĐS			

			<p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được vị trí, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trong tiến trình lịch sử Việt Nam.</li> <li>- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.</li> <li>- Vận dụng học về nghệ thuật đấu tranh trong kháng chiến chống Pháp với bản thân</li> </ul>			
	<p><b>3. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)</b></p>		<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách sưu tầm tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.</li> <li>- Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.</li> <li>- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.</li> </ul>	6TN		
			<p><b>Thông Hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích vị trí, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong tiến trình lịch sử Việt Nam.</li> </ul>			
			<p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.</li> <li>- Trân trọng, tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.</li> </ul>		1ĐS	
			<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách sưu tầm tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay.</li> <li>- Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của: cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 năm 1975 đến đầu những năm 80 của thế kỉ XX), cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở vùng biên giới phía Bắc và ở Biển Đông từ năm 1979 đến nay.</li> <li>- Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay.</li> </ul>	6TN		

			<b>Thông Hiểu:</b> - Phát huy tinh thần đấu tranh trong công cuộc bảo vệ tổ quốc hiện nay			
			<b>Vận dụng:</b> - Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay. - Liên hệ bản thân nhằm phát huy tinh thần đoàn kết yêu nước trong giai đoạn hiện nay		1DS	
	5. Một số bài học lịch sử		<b>Nhận biết:</b> - Bài học về phát huy tinh thần đoàn kết toàn dân tộc			
			<b>Thông Hiểu:</b> - Liên hệ với bài học đoàn kết quốc tế hiện nay			
			<b>Vận dụng:</b> - Bản thân đã làm gì để phát huy tinh thần đoàn kết trong tập thể lớp - Rút ra được những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay: bài học về đại nghĩa dân tộc, tinh thần yêu nước; về vai trò của khối đoàn kết dân tộc trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay; về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nghệ thuật lãnh đạo và nghệ thuật quân sự.			4TN
	Số câu/ loại câu			20	4	4
	Tỉ lệ %			50%	20%	30%
	Tổng hợp chung			50%	20%	30%

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 MÔN ĐỊA LÍ - KHỐI 12**

Tên chủ đề	Nhận biết			Thông hiểu			Vận dụng			
	TN 4 lựa chọn	TN dạng Đ - S	TN dạng trả lời ngắn	TN 4 lựa chọn	TN dạng Đ - S	TN dạng trả lời ngắn	TN 4 lựa chọn	TN dạng Đ - S	TN dạng trả lời ngắn	
Chủ đề: Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên.	4								2	
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ: %	Số câu: 4 Số điểm: 1.0 Tỉ lệ: 10%								Số câu: 2 Số điểm: 0.5 Tỉ lệ: 5%	TN: 6 câu (1.5đ)
Chủ đề: Lao động và việc làm.	4				2				2	
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ: %	Số câu: 4 Số điểm: 1.0 Tỉ lệ: 10%				Số câu: 2 Số điểm: 2.0 Tỉ lệ: 20%				Số câu: 2 Số điểm: 0.5 Tỉ lệ: 5%	TN: 8 câu (3.5đ)
Chủ đề: Vấn đề phát triển nông nghiệp.	4	1						1		
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ: %	Số câu: 4 Số điểm: 1.0 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 1 Số điểm: 1.0 Tỉ lệ: 10%						Số câu: 1 Số điểm: 1.0 Tỉ lệ: 10 %		TN: 6 câu (3.0 đ)
Chủ đề: Vấn đề phát triển lâm nghiệp và thủy sản				4			2		2	
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ: %				Số câu: 4 Số điểm: 1.0 Tỉ lệ: 10%			Số câu: 2 Số điểm: 0.5 Tỉ lệ: 5%		Số câu: 2 Số điểm: 0.5 Tỉ lệ: 5%	TN: 3 câu (2.0đ)
TS câu: TS điểm: Tỉ lệ: %	Số câu: 13; Số điểm: 4.0đ Tỉ lệ: 40%			Số câu: 6; Số điểm: 3.0đ Tỉ lệ: 30%			Số câu: 9; Số điểm: 3.0đ Tỉ lệ: 30%			

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  
**MÔN: ĐỊA LÍ - Lớp 12**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	<b>Chủ đề:</b> Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biểu hiện sự phân hóa thiên nhiên theo Bắc – Nam, Đông – Tây, độ cao.</li> <li>- Nguyên nhân của sự phân hóa.</li> <li>- Ảnh hưởng của sự phân hóa đến phát triển KT – XH.</li> </ul>	<p><b>Nhận biết:</b> Xác định được biểu hiện của sự phân hóa thiên nhiên theo Bắc – Nam, Đông – Tây và theo độ cao. Nhận biết được nguyên nhân chính dẫn đến sự phân hóa thiên nhiên ở nước ta.</p> <p><b>Vận dụng:</b> Vận dụng kiến thức vào thực tế, tính toán số liệu.</p>	<b>4</b>		<b>2</b>
2	<b>Chủ đề:</b> Lao động và việc làm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm lao động Việt Nam.</li> <li>- Cơ cấu và sự chuyển dịch cơ cấu lao động.</li> <li>- Thực trạng việc làm và giải pháp.</li> </ul>	<p><b>Nhận biết:</b> Trình bày được đặc điểm của nguồn lao động Việt Nam.</p> <p><b>Thông hiểu:</b> Hiểu được sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành, lãnh thổ và thành phần kinh tế.</p> <p><b>Vận dụng:</b> Phân tích được nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu việc làm, thất nghiệp. Vận dụng kiến thức vào thực tế, tính toán số liệu.</p>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
	<b>Chủ đề:</b> Vấn đề phát triển nông nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ cấu ngành nông nghiệp.</li> <li>- Điều kiện phát triển.</li> <li>- Đặc điểm phân bố và hướng phát triển.</li> </ul>	<p><b>Nhận biết:</b> Trình bày được cơ cấu ngành nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ).</p> <p><b>Thông hiểu:</b> Hiểu được vai trò, đặc điểm và sự phân bố của các ngành nông nghiệp.</p> <p><b>Vận dụng:</b> Giải thích được nguyên nhân hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp. Vận dụng kiến thức vào thực tế, tính toán số liệu.</p>	<b>5</b>		<b>1</b>
3	<b>Chủ đề:</b> Vấn đề phát triển lâm nghiệp và thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vai trò, đặc điểm và phân bố của ngành lâm nghiệp, thủy sản.</li> <li>- Các biện pháp phát triển bền vững.</li> </ul>	<p><b>Thông hiểu:</b> Phân tích được vai trò và đặc điểm của ngành lâm nghiệp và thủy sản.</p> <p><b>Vận dụng:</b> Vận dụng kiến thức vào thực tế, tính toán số liệu.</p>		<b>1</b>	<b>4</b>
Số câu/ loại câu				12 câu TN 4 lựa chọn 1 câu TN Đ - S	3 câu TN Đ-S	6 câu TN 4 lựa chọn 6 câu trả lời ngắn
<b>Tổng hợp chung</b>				<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>30%</b>

**MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 12**

Chủ đề	Bài	Năng lực môn học									Tổng lệnh hỏi
		Điều chỉnh hành vi			Phát triển bản thân			Tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH			
		Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			
		Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
<b>1. Tăng trưởng và phát triển kinh tế</b>	Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	1									<b>1</b>
<b>2. Hội nhập kinh tế quốc tế</b>	Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế		1		1			28a	28b,c,d		<b>6</b>
<b>3. Bảo hiểm và an sinh xã hội</b>	Bài 3: Bảo hiểm	2		27b,c,d		27a		1			<b>7</b>
	Bài 4: An sinh xã hội	1			1			1		2	<b>5</b>
<b>4. Lập kế hoạch kinh doanh</b>	Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh		1		1	1	26c,d	1	26a,b 2		<b>10</b>
<b>5. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp</b>	Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	2				25a,b	25c,d				<b>6</b>
<b>6. Quản lý thu chi trong gia đình</b>	Bài 7: Quản lý thu chi trong gia đình	2	1		1			1			<b>5</b>
<b>Tổng lệnh hỏi</b>		<b>8</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>40</b>

**BẢNG ĐẶC TẢ CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG**  
**KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 12**

Chủ đề	Bài	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá		
			Biết	Hiểu	Vận dụng
<b>1. Tăng trưởng và phát triển kinh tế</b>	Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	<b>Biết:</b> - Nêu được khái niệm, các chỉ tiêu của tăng trưởng và phát triển kinh tế.	1		
<b>2. Hội nhập kinh tế quốc tế</b>	Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	<b>Biết:</b> - Nêu được khái niệm, các hình thức của hội nhập kinh tế quốc tế. - Các chính sách của Đảng và Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế. <b>Hiểu:</b> - Giải thích được hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết đối với mọi quốc gia. - Phân biệt các hình thức của hội nhập kinh tế quốc tế. <b>Vận dụng:</b> - Xác định được trách nhiệm của bản thân trong hội nhập kinh tế quốc tế. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.	1	1 28a	28b,c,d
<b>3. Bảo hiểm và an sinh xã hội</b>	Bài 3: Bảo hiểm	<b>Biết:</b> - Nêu được các khái niệm: bảo hiểm; an sinh xã hội và vai trò của bảo hiểm, an sinh xã hội.	3	27a	27b,c,d
	Bài 4: An sinh xã hội	<b>Hiểu:</b> - Giải thích được sự cần thiết của bảo hiểm xã hội. - Phân biệt được một số loại hình bảo hiểm. <b>Vận dụng:</b> - Thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính	3		2

		<p>sách bảo hiểm.</p> <p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được sự cần thiết của an sinh xã hội.</li> <li>- Phân biệt được các chính sách an sinh xã hội cơ bản.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội</li> </ul>			
<b>4. Lập kế hoạch kinh doanh</b>	Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh	<p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm, nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh.</li> <li>- Nêu được các bước lập kế hoạch kinh doanh.</li> </ul> <p><b>Hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh.</li> <li>- Diễn giải được các bước lập kế hoạch kinh doanh.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập được kế hoạch kinh doanh và mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân dưới hình thức bài tập thực hành.</li> </ul>	2	4 26 a,b	26 c,d
<b>5. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp</b>	Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	<p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.</li> </ul> <p><b>Hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê được các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.</li> <li>- Trình bày được ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được trách nhiệm của công dân khi tham gia điều hành doanh nghiệp.</li> <li>- Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp</li> </ul>	2	25 a,b	25 c,d
<b>6. Quản lý thu chi trong gia đình</b>	Bài 7: Quản lý thu chi trong gia đình	<p><b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được thế nào là quản lý thu, chi trong gia đình.</li> <li>- Nêu các bước xây dựng kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình.</li> </ul> <p><b>Hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình.</li> </ul>	4	1	
<b>Tổng lệnh hỏi</b>			<b>16</b>	<b>6 và 6 lệnh</b>	<b>2 và 10 lệnh</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>30%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>		<b>30%</b>

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- NĂM HỌC 2025- 2026**  
**MÔN: GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG 12**

Tên Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Cộng
					Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
<b>Chủ đề 3:</b> Lịch sử phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh									
<i>Số câu:</i> <i>Số điểm:</i> <i>Tỉ lệ: %</i>	<i>Số câu: 5</i> <i>Số điểm:</i> <i>2.5đ</i> <i>Tỉ lệ 25%</i>		<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm:</i> <i>1.0đ</i> <i>Tỉ lệ 10%</i>			<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm</i> <i>1.5đ</i> <i>Tỉ lệ 15%</i>			
<b>Chủ đề 4:</b> Văn học Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1975									
<i>Số câu:</i> <i>Số điểm:</i> <i>Tỉ lệ: %</i>	<i>Số câu: 5</i> <i>Số điểm:</i> <i>2.5đ</i> <i>Tỉ lệ 25%</i>		<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm:</i> <i>1.0đ</i> <i>Tỉ lệ 10%</i>			<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm</i> <i>1.5đ</i> <i>Tỉ lệ 15%</i>			
<b>TS câu:</b> <b>TS điểm:</b> <b>Tỉ lệ: %</b>	<b>Số câu: 10TN</b> <b>Số điểm: 5.0đ</b> <b>Tỉ lệ: 50%</b>		<b>Số câu: 4TN</b> <b>Số điểm: 2.0đ</b> <b>Tỉ lệ: 20%</b>		<b>Số câu: 2TL</b> <b>Số điểm: 3.0đ</b> <b>Tỉ lệ: 30%</b>				<b>Số câu:14TN+2TL</b> <b>Số điểm: 10đ</b> <b>Tỉ lệ: 100%</b>

**MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- GDĐP 12 - NĂM HỌC: 2025-2026**

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ cần nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	Chủ đề 3: Lịch sử phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh	Nhận biết – Nêu được mốc thời gian, nội dung chính các giai đoạn phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh	5	2	1	
		Thông hiểu – Phân tích được tác động của một sự kiện tiêu biểu đối với sự phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh.				
		Vận dụng – Nêu được những dự báo, dẫn chứng cho xu hướng phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh trong tương lai.				
	Chủ đề 4: Văn học Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1975	Nhận biết – Trình bày được đặc điểm và thành tựu văn học Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1975.	5	2	1	
		Thông hiểu – Đọc hiểu được một số tác phẩm văn học Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1975 – Biết viết bài giới thiệu về một tác phẩm văn học Thành phố Hồ Chí Minh				
		Vận dụng – Biết giới thiệu một tác phẩm văn học nổi bật của Thành phố Hồ Chí Minh – Biết trân trọng, giữ gìn và phát huy những thành tựu văn học viết Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1975.				
	Trắc nghiệm	Số câu: 14 câu Số điểm: 7.0 điểm	10 câu 5.0đ	4 câu 2.0đ		
	Tự luận	Số câu: 2 câu Số điểm: 3.0 điểm			2 câu 3.0 đ	

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2025-2026**

**MÔN: GDTC LỚP 12 – CẦU LÔNG**

**I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU**

- Kiến thức:* Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: Kỹ thuật đánh cầu cao tay
- Năng lực:* Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất:* Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

**II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA**

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

**III. MA TRẬN**

S T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	T L			
b1	<b>Chủ đề 1: Kỹ thuật đánh cầu cao tay</b>	Kỹ thuật đánh cầu cao thuận tay.	1	1	1	1	3	3			5		5	50	
		Kỹ thuật đánh cầu cao trái tay.	1	1	1	1	3	3			5		5		
		Thực hành: Kỹ thuật đánh cầu cao sâu thuận tay.							1	15					25
		Thực hành: Kỹ thuật đánh cầu cao sâu trái tay.								1	20				25
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100	
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50				

**IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026**

**Môn: GDTC Lớp 12 – CẦU LÔNG ( Trắc nghiệm và Thực hành)**

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kĩ thuật đánh cầu cao tay	Kĩ thuật đánh cầu cao thuận tay.	- Nhận biết: Nắm và thực hiện được kỹ thuật đánh cầu cao sâu thuận tay. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hàng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Kĩ thuật đánh cầu cao trái tay.	- Nhận biết: Nắm và thực hiện được kỹ thuật đánh cầu cao sâu trái tay. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hàng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Thực hành: Kĩ thuật đánh cầu cao thuận tay.	- Thông hiểu: Nắm được kỹ thuật đánh cầu cao thuận tay. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng đá.				1(2,5 đ)
		Thực hành: Kĩ thuật đánh cầu cao trái tay.	- Thông hiểu: Nắm được kỹ thuật đánh cầu cao trái tay. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng đá.				1(2,5 đ)

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 - NĂM HỌC: 2025-2026**

**MÔN: GDTC LỚP 12 – BƠI LỘI**

**I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU**

1. *Kiến thức*: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Kỹ thuật xuất phát trong bơi ếch và bơi trườn sấp.
2. *Năng lực*: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
3. *Phẩm chất*: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

**II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA**

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

**III. MA TRẬN**

S T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Kỹ thuật xuất phát	Kỹ thuật xuất phát trong bơi ếch.	1	1	1	1	3	3			5		5	50
		Kỹ thuật xuất phát trong bơi trườn sấp.	1	1	1	1	3	3			5		5	
		Thực hành: Kỹ thuật xuất phát trong bơi ếch.							1	15				25
		Thực hành: Kỹ thuật xuất phát trong bơi trườn sấp.							1	20				25
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50			

**IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026**

**Môn: GDTC Lớp 12- BỒI LỢI ( Trắc nghiệm và Thực hành)**

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Kĩ thuật xuất phát	Kĩ thuật xuất phát trong bơi ếch.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết: Nắm và phân tích được các động tác kĩ thuật xuất phát bơi ếch</li> <li>- Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn.</li> <li>- Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.</li> </ul>	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Kĩ thuật xuất phát trong bơi trườn sấp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết: Nắm và phân tích được các động tác kĩ thuật xuất phát bơi trườn sấp.</li> <li>- Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn.</li> <li>- Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.</li> </ul>	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Thực hành: Kĩ thuật xuất phát trong bơi ếch.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông hiểu: Thực hiện được kĩ thuật xuất phát trong bơi ếch.</li> <li>- Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu.</li> </ul>				1(2,5 đ)
		Thực hành: Kĩ thuật xuất phát trong bơi trườn sấp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông hiểu: Thực hiện được kĩ thuật xuất phát trong bơi trườn sấp.</li> <li>- Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu.</li> </ul>				1(2,5 đ)

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 - NĂM HỌC: 2025-2026**

**MÔN: GDTC LỚP 12 – BÓNG CHUYỀN**

**I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU**

1. *Kiến thức*: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: Kỹ thuật đập bóng và phát bóng cao tay
2. *Năng lực*: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
3. *Phẩm chất*: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

**II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA**

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

**III. MA TRẬN**

S T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
b 1	Chủ đề 1: Kỹ thuật đập bóng và phát bóng cao tay	Kỹ thuật đập bóng	1	1	1	1	3	3			5		5	50
		Kỹ thuật đập bóng và phát bóng cao tay	1	1	1	1	3	3			5		5	
		Thực hành: Kỹ thuật Kỹ thuật đập bóng							1	15				
		Thực hành: Kỹ thuật đập bóng và phát bóng cao tay								1	20			25
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50			

**IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026**

**Môn: GDTC Lớp 12 BÓNG CHUYÊN ( Trắc nghiệm và Thực hành)**

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kĩ thuật đập bóng và phát bóng cao tay	Kĩ thuật đập bóng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật đập bóng.</li> <li>- Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn.</li> <li>- Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.</li> </ul>	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Kĩ thuật phát bóng cao tay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật phát bóng cao tay.</li> <li>- Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn.</li> <li>- Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.</li> </ul>	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Thực hành: Kĩ thuật đập bóng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi đập bóng.</li> <li>- Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng chuyên.</li> </ul>				1(2,5 đ)
		Thực hành: Kĩ thuật phát bóng cao tay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi phát bóng cao tay.</li> <li>- Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng chuyên.</li> </ul>				1(2,5 đ)

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2025-2026**

**MÔN: GDTC LỚP 12 – BÓNG ĐÁ**

**I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU**

1. *Kiến thức*: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 2: Kỹ thuật dừng bóng.
2. *Năng lực*: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
3. *Phẩm chất*: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

**II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA**

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

**III. MA TRẬN**

S T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
b 1	<b>Chủ đề 1: Kỹ thuật dừng bóng</b>	Kỹ thuật dừng bóng bằng mu giữa bàn chân.	1	1	1	1	3	3			5		5	50
		Kỹ thuật dừng bóng nửa nảy bằng gan bàn chân.	1	1	1	1	3	3			5		5	
		Thực hành: Kỹ thuật dừng bóng bằng mu giữa bàn chân.							1	17				
		Thực hành: Kỹ thuật dừng bóng nửa nảy bằng gan bàn chân.								1	18			25
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50			

**IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026**

**Môn: GDTC Lớp 12-BÓNG ĐÁ ( Trắc nghiệm và Thực hành)**

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kĩ thuật dừng bóng.	Kĩ thuật dừng bóng bằng bàn chân.	- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật dừng bóng bằng bàn chân. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Kĩ thuật dừng bóng nửa nảy bằng gan bàn chân.	- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật dừng bóng nửa nảy bằng gan bàn chân.. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Thực hành: Kĩ thuật dừng bóng bằng bàn chân.	- Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi đá bóng. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng đá.				1(2,5 đ)
		Thực hành: Kĩ thuật dừng bóng nửa nảy bằng gan bàn chân..	- Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi đá bóng. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng đá.				1(2,5 đ)

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2025-2026**

**MÔN: GDTC LỚP 12 – BÓNG RỔ**

**I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU**

- Kiến thức:* Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: Kỹ thuật di chuyển và chuyên bóng
- Năng lực:* Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất:* Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

**II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA**

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

**III. MA TRẬN**

S T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL			
1	Chủ đề 1: Kỹ thuật di chuyển và chuyên bóng	Kỹ thuật di chuyển đổi hướng hình chữ V	1	1	1	1	3	3			5		5	50	
		Kỹ thuật chặn người tranh bóng bật bảng.	1	1	1	1	3	3			5		5		
		Thực hành: Kỹ thuật di chuyển đổi hướng hình chữ V							1	15					25
		Thực hành: kỹ thuật chặn người tranh bóng bật bảng								1	20				25
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100	
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50				

**IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026**

**Môn: GDTC Lớp 12- BÓNG RỔ ( Trắc nghiệm và Thực hành)**

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kĩ thuật di chuyển và chuyển bóng.	Kĩ thuật di chuyển đổi hướng hình chữ V	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật di chuyển đổi hướng hình chữ V .</li> <li>- Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn.</li> <li>- Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.</li> </ul>	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Kĩ thuật chặn người tranh bóng bật bảng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật chặn người tranh bóng bật bảng.</li> <li>- Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn.</li> <li>- Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.</li> </ul>	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Thực hành: Kĩ thuật di chuyển đổi hướng hình chữ V	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi chuyển bóng.</li> <li>- Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng rổ.</li> </ul>				1(2,5 đ)
		Thực hành: kĩ thuật chặn người tranh bóng bật bảng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi chặn người tranh bóng.</li> <li>- Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng rổ.</li> </ul>				1(2,5 đ)

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2025-2026**

**MÔN: GDQP&AN LỚP 12**

**I. Mục đích yêu cầu:**

1. *Kiến thức*: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong bài 3, bài 4, bài 5.
2. *Năng lực*: Đánh giá năng lực, nhận thức và tư duy qua những nội dung đã học, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học thông qua hệ thống câu hỏi kiểm tra.
3. *Phẩm chất*: Giáo dục ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong quá trình kiểm tra.

**II. Hình thức và số câu kiểm tra:**

- Trắc nghiệm 40 câu (10 điểm).
- Thời gian làm bài: 45 phút.

**III. MA TRẬN**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	T L		
1	<b>Bài 2. Tổ chức quân đội nhân dân và công an nhân dân Việt Nam</b>	Tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam	4	3,5	2	2,5	1	1,5			7		7,5	35
		Tổ chức công an nhân dân Việt Nam	4	3,5	2	2,5	1	1,5			7		7,5	
2	<b>Bài 3: Công tác tuyển sinh đào tạo trong</b>	Nhà trường Quân đội và công tác tuyển sinh đào tạo	2	2	2	2,5	1	1,5			5		6	25

	<b>các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam và công an nhân dân Việt Nam</b>	Nhà trường Công an và công tá tuyển sinh đào tạo	2	2	2	2,5	1	1,5			5	6	
3	<b>Bài 4: Một số hiểu biết về chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của cá thể lực thù địch đối với cách mạng Việt nam</b>	Một số hiểu biết về chiến lược “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4	4	3	3,5	1	1,5			8	9	40
		Một số hiểu biết về âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4	4	3	3,5	1	1,5			8	9	
Tổng			20	19	14	17	6	9			40	45	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			50		35		15				100		

**IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026**

**Môn: GDQP&AN - lớp 12 ( Trắc nghiệm )**

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề 1: Tổ chức quân đội nhân dân và công an nhân dân Việt Nam	Tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam	Nhận biết: Nhận biết được cơ bản hệ thống tổ chức của Quân đội nhân dân Việt Nam Thông hiểu: Hiểu được nhiệm vụ, chức năng của một số cơ quan chính trong Quân đội nhân dân Việt Nam Vận dụng: Nhận biết được hệ thống quân hàm, cấp hàm cấp hiệu và màu sắc trang phục của một số quân binh chủng trong Quân đội trong thực tế	4(1 đ)	2(0,5 đ)	1(0,25 đ)	
		Tổ chức công an nhân dân Việt Nam	Nhận biết: Nhận biết được cơ bản hệ thống tổ chức của Công an nhân dân Việt Nam Thông hiểu: Hiểu được nhiệm vụ, chức năng của một số cơ quan chính trong Công an nhân dân Việt Nam Vận dụng: Nhận biết được hệ thống quân hàm, cấp hàm cấp hiệu và màu sắc trang phục của một số lực lượng của công an nhân dân Việt Nam trong thực tế	4(1 đ)	2(0,5 đ)	1(0,25 đ)	
2	Chủ đề 2: Công tác tuyển sinh đào tạo trong các nhà trường Quân đội nhân dân	Nhà trường Quân đội và công tác tuyển sinh đào tạo	Nhận biết: Hiểu được hệ thống nhà trường trong Quân đội nhân dân Việt nam Thông hiểu: Hiểu được một số chế độ chính sách, tiêu chuẩn tuyển chọn ở các trường trong Quân đội nhân dân Việt Nam Vận dụng: Biết cách đăng kí thi tuyển vào các trường trong Quân đội	2(0,5 đ)	2(0,5đ)	1(0,25 đ)	

	Việt Nam và công an nhân dân Việt Nam	Nhà trường Công an và công tá tuyển sinh đào tạo	<p>Nhận biết:          Nắm được hệ thống nhà trường trong Công an nhân dân Việt nam</p> <p>Thông hiểu:          Hiểu được một số chế độ chính sách, tiêu chuẩn tuyển chọn ở các trường trong Công an nhân dân Việt Nam</p> <p>Vận dụng:          Biết cách đăng kí thi tuyển vào các trường trong Công an nhân dân Việt Nam</p>	2(0,5 đ)				
3	Chủ đề 3: Một số hiểu biết về chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của cá thể lực thù địch đối với cách mạng Việt nam	<p>Một số hiểu biết về chiến lược “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam</p>	<p>Nhận biết:          Nắm được một số khái niệm về chiến lược “Diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc</p> <p>Thông hiểu:          Hiểu được âm mưu, thủ đoạn tiến hành chiến lược “Diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc đối với cách mạng Việt Nam</p> <p>Vận dụng:          Nhận thức đúng đắn và không bị lôi kéo vào âm mưu của chiến lược “Diễn biến hòa bình”. Thể hiện được trách nhiệm công dân trong công cuộc bảo vệ tổ quốc</p>	4(1 đ)		3(0,75 đ)		1 (0,25)
		<p>Một số hiểu biết về âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam</p>	<p>Nhận biết:          Nắm được một số khái niệm về âm mưu bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và thế lực thù địch</p> <p>Thông hiểu:          Hiểu được âm mưu, thủ đoạn tiến hành bạo loạn lật đổ của thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam</p> <p>Vận dụng:          Nhận thức đúng đắn và không bị lôi kéo vào âm mưu bạo loạn lật đổ của thế lực thù địch. Thể hiện được trách nhiệm công dân trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc</p>	4(1 đ)		3(0,75 đ)		1 (0,25)
Tổng số câu, điểm				20 5 đ	14 3,5	6 1,5 đ		
Tỉ lệ % các mức độ nhận thức				50%	35%	15%		

## BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Mỹ thuật 12

Năm học: 2025 - 2026

### Bản đặc tả đánh giá sản phẩm

Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
			Thường xuyên	Định kỳ
Mỹ thuật ứng dụng	– Nhận biết về chất liệu tạo hình từ vật liệu sẵn có (bìa xốp, vỏ trứng, giấy, màu vẽ...)	Nhận biết – Thông hiểu	X	X
	Hiểu về quy trình tạo sản phẩm 3D, thiết kế và trang trí sản phẩm	– Thông hiểu – Vận dụng	X	
	Vận dụng sáng tạo trong thiết kế đồ dùng sinh hoạt (chức năng – thẩm mỹ)	– Vận dụng cao	X	X
	Viết thông tin giới thiệu về sản phẩm: tên, chất liệu, ý nghĩa giáo dục	– Nhận biết – Thông hiểu – Vận dụng	X	X

**BẢNG ĐẶC TẢ NỘI DUNG ÂM NHẠC CUỐI HKI LỚP 12**

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
1	Hát	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đề 1: Rạng rỡ Việt Nam</li> <li>- Chủ đề 2: Lí Thiên Thai</li> <li>- Chủ đề 3: Bài hợp xướng : Vui hát lên bạn ơi</li> </ul>	<b>Nhận biết:</b> - Nêu được tên bài hát, tên tác giả, nội dung, thể loại hoặc giá trị nghệ thuật của bài hát. - Nhận biết được câu, đoạn trong bài hát có hình thức rõ ràng.	x	x
			<b>Thông hiểu:</b> Biết nhận xét, đánh giá về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác.	x	x
			<b>Vận dụng:</b> - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái. - Hát rõ lời và thuộc lời; điều tiết hơi thở hợp lí; mở rộng âm vực; duy trì được tốc độ ổn định. - Biết hát đơn ca, song ca; hát tập ca, đồng ca với 2 hoặc 3 bè đơn giản. - Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc. - Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp	x	x

2	<b>Đọc nhạc</b>	<p><i>Bài đọc nhạc số 1</i>  <i>Bài đọc nhạc số 2</i>  <i>Bài đọc nhạc số 3</i></p>	<p><b>Nhận biết :</b>          - Đọc đúng cao độ gam Son trưởng và Mi thứ, Pha trưởng.</p> <p><b>Thông hiểu:</b> Giải thích được các kí hiệu trong bài đọc nhạc, phân biệt và giải thích được sự giống và khác nhau của các nét nhạc          - Phân biệt được màu sắc âm nhạc của giọng trưởng và thứ.          Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm hoặc đánh nhịp.</p>	X	X
			<p><b>Vận dụng:</b> Tự đọc được một số giai điệu đơn giản viết ở các giọng có 1 dấu thăng hoặc 1 dấu giáng, vận dụng kĩ năng đọc nhạc khi hát hoặc chơi nhạc cụ</p>	X	X
3	<b>Nhạc cụ</b>	<p>Các bài tập tiết tấu, giai điệu và hoà âm.          - Bài nhạc cụ thể hiện tiết tấu, giai điệu và hoà âm của Chủ đề 1.          - Bài nhạc cụ thể hiện tiết tấu, giai điệu và hoà âm của Chủ đề 2.          - Bài nhạc cụ thể hiện tiết tấu, giai điệu của Chủ đề 3</p>	<p><b>Nhận biết:</b>          - Biết bảo quản nhạc cụ và điều chỉnh âm thanh đúng cách.  <b>Thông hiểu:</b>          - Thể hiện đúng cao độ, trường độ sắc thái của bài tập tiết tấu, giai điệu  <b>Vận dụng:</b>          Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu và hoà tấu          - Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà, biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc          - Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu và độc tấu hoặc đệm cho bài hát          - Biết biểu diễn nhạc cụ ở trong và ngoài nhà trường.</p>	X  X  X	X  X  X
4	<b>Lí thuyết âm</b>	<p><i>Bài 4: Quãng ghép - Cách gọi tên quãng ghép.</i>  <i>Bài 9: Hợp âm ba phụ của giọng Son trưởng và giọng Mi thứ.</i></p>	<p>Nhận biết được một số hợp âm của các giọng: Son trưởng, Mi thứ, pha trưởng và rê thứ</p>	X	

	<b>nhạc</b>	<i>Bài 14: Hợp âm ba phụ của giọng pha trưởng và rê thứ</i>	<p><b>Thông hiểu:</b> - Cảm nhận được sự hoà quyện của các âm trong hợp âm.</p> <p><b>Vận dụng:</b> - Biết ghi chép các bản nhạc. - Biết vận dụng kiến thức đã học khi hát, đọc nhạc, chơi nhạc cụ, tìm hiểu bản nhạc,...</p>	X	
5	<b>Thường thức âm nhạc</b>	Sơ lược về một số loại hình nghệ thuật truyền thống: tuồng, chèo, cải lương,...	<p><b>Nhận biết:</b> - Nhận biết được các loại hình nghệ thuật truyền thống</p> <p><b>Thông hiểu:</b> - Nêu được đặc điểm của một số thể loại nghệ thuật truyền thống</p> <p>- Liệt kê được một số loại nhạc cụ tham gia vào nghệ thuật truyền thống - Nêu được đặc điểm của một số thể loại nhạc nhẹ - Liệt kê các loại nhạc cụ</p> <p><b>Vận dụng:</b> - Cảm nhận được giá trị nghệ thuật của một số tác phẩm nghệ thuật truyền thống, và nhạc nhẹ</p>	X	
6	<b>Nghe nhạc</b>	Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh: <i>Ví đò đưa sông Lam</i> (sưu tầm: Trung Phong; kí âm: Vi Phong) <i>Giặm cửa quyền</i> (trích thơ Phan Bội Châu; sưu tầm và kí âm: Thanh Lưu)	<p><b>Nhận biết:</b> - Nắm được thể loại dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh</p> <p><b>Thông hiểu:</b> Cảm nhận và đánh giá được vẻ đẹp, giá trị nghệ thuật của tác phẩm âm nhạc.</p> <p><b>Vận dụng:</b> - Biểu lộ thái độ và cảm xúc khi nghe nhạc. - Biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu.</p>	X	
				X	
				X	